

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

---000---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG ANH**

SINH VIÊN THỰC HIỆN : ĐỖ THU HÀ
MÃ SINH VIÊN : A17314
CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG
---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG ANH**

Giáo viên hướng dẫn	: Th.s Vũ Thị Kim Lan
Sinh viên thực hiện	: Đỗ Thu Hà
Mã sinh viên	: A17314
Chuyên ngành	: Kế Toán

HÀ NỘI – 2013

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp với sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Thạc sĩ Vũ Thị Kim Lan, em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này. Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới cô giáo Thạc sĩ Vũ Thị Kim Lan, cô đã cung cấp cho em những kiến thức quý báu, động viên, chỉ bảo tận tình trong quá trình em nghiên cứu, giúp em hoàn thành khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong bộ môn Kế Toán. Các thầy cô có bài giảng rất bổ ích và sự nhiệt tình giảng dạy, giúp em vận dụng kiến thức chuyên môn để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp đại học.

Thực hiện đề tài này, em còn được sự giúp đỡ rất nhiệt tình của các anh chị ở đơn vị thực tập. Em xin cảm ơn Ban lãnh đạo và toàn bộ cán bộ nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty TNHH Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh đã tạo điều kiện cho em được thực tập và nhiệt tình giúp đỡ em trong thời gian thực tập tốt nghiệp tại công ty.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2013

Sinh viên

Đỗ Thu Hà

MỤC LỤC

Lời mở đầu

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU trong các DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	1
1.1. Vị trí của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu	1
1.1.1. <i>Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh.....</i>	<i>1</i>
1.1.2. <i>Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.....</i>	<i>1</i>
1.1.3. <i>Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu</i>	<i>2</i>
1.2. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu	3
1.2.1. <i>Phân loại nguyên vật liệu</i>	<i>3</i>
1.2.2. <i>Tính giá nguyên vật liệu.....</i>	<i>4</i>
1.2.2.1. <i>Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho</i>	<i>5</i>
1.2.2.2. <i>Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho</i>	<i>6</i>
1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu	8
1.3.1. <i>Chứng từ kế toán.....</i>	<i>8</i>
1.3.2. <i>Thủ tục nhập xuất kho nguyên vật liệu</i>	<i>9</i>
1.3.2.1. <i>Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.....</i>	<i>9</i>
1.3.2.2. <i>Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu.....</i>	<i>9</i>
1.3.3. <i>Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu</i>	<i>10</i>
1.3.3.1. <i>Phương pháp thẻ song song</i>	<i>10</i>
1.3.3.2. <i>Phương pháp sổ số dư.....</i>	<i>12</i>
1.3.3.3. <i>Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....</i>	<i>14</i>
1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	16
1.4.1. <i>Các phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu</i>	<i>16</i>
1.4.1.1. <i>Phương pháp kê khai thường xuyên.....</i>	<i>16</i>
1.4.1.2. <i>Phương pháp kiểm kê định kỳ.....</i>	<i>16</i>
1.4.2. <i>Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....</i>	<i>16</i>
1.4.2.1. <i>Tài khoản kế toán sử dụng</i>	<i>16</i>
1.4.2.2. <i>Phương pháp kế toán</i>	<i>18</i>

1.4.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	19
1.4.3.1. Tài khoản kế toán sử dụng	19
1.4.3.2. Phương pháp kế toán	19
1.5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	20
1.5.1. Đặc điểm	20
1.5.2. Tài khoản sử dụng	21
1.5.3. Phương pháp hạch toán.....	21
1.6. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu theo các hình thức sổ kế toán.....	22
1.6.1. Hình thức Nhật ký - Chứng từ	23
1.6.2. Hình thức chứng từ ghi sổ	24
1.6.3. Hình thức nhật ký chung.....	25
1.6.4. Hình thức nhật ký - sổ cái.....	26
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG ANH.....	27
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh	27
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty	27
2.1.2. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh.....	28
2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty	28
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	31
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.....	32
2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh.....	33
2.2.1. Đặc điểm về nguyên vật liệu và tổ chức quản lý nguyên vật liệu	33
2.2.2. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu	35
2.2.2.1. Phân loại nguyên vật liệu	35
2.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu	35
2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty	37
2.2.3.1. Chứng từ thủ tục nhập – xuất kho nguyên vật liệu.....	38
2.2.3.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu	45
2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh.....	49

2.2.4.1. Tài khoản sử dụng và hệ thống sổ kế toán	49
2.2.4.2. Phương pháp kế toán	49
2.2.5. Công tác kiểm kê và lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tại Công ty	58
2.2.5.1. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty.....	58
2.2.5.2. Công tác lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại Công ty	59
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG ANH.....	63
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh	63
3.1.1. Ưu điểm.....	64
3.1.2. Những tồn tại.....	66
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh	66

DANH MỤC VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Tên đầy đủ
CCDC	Công cụ dụng cụ
GTGT	Giá trị gia tăng
KKĐK	Kiểm kê định kỳ
NVL	Nguyên vật liệu
NXT	Nhập – xuất – tồn
PN	Phiếu nhập
PP	Phương pháp
PX	Phiếu xuất
SDCK	Số dư cuối kỳ
SĐĐK	Số dư đầu kỳ
SL	Số lượng
SX	Sản xuất
TK	Tài khoản
TT	Thành tiền
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
XNK	Xuất nhập khẩu

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

	Trang
Bảng 1.1: Sổ điểm danh nguyên vật liệu.....	2
Bảng 1.2: Thẻ kho	11
Bảng 1.3: Sổ chi tiết vật liệu.....	11
Bảng 1.4: Sổ số dư.....	13
Bảng 1.5: Sổ đối chiếu luân chuyển vật liệu	15
Bảng 2.1: Phần mềm kế toán Fast Accounting.....	32
Bảng 2.2: Các nghiệp vụ nhập xuất nhựa PP trong tháng 7.....	37
Bảng 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng	39
Bảng 2.4: Biên bản kiểm nghiệm.....	40
Bảng 2.5: Phiếu nhập kho	41
Bảng 2.6: Giấy đề nghị xuất vật tư.....	43
Bảng 2.7 : Lệnh xuất kho	43
Bảng 2.8: Phiếu xuất kho	44
Bảng 2.9: Thẻ kho	46
Bảng 2.10: Sổ chi tiết nguyên vật liệu	47
Bảng 2.11: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu chính.....	48
Bảng 2.12: Phiếu chi	53
Bảng 2.13: Phiếu thu.....	54
Bảng 2.14: Phiếu xuất kho	55
Bảng 2.15: Sổ chi tiết thanh toán với người bán.....	56
Bảng 2.16: Sổ chi tiết nguyên vật liệu	57
Bảng 2.17: Biên bản kiểm kê.....	60
Bảng 2.18: Sổ Nhật ký chung.....	61
Bảng 2.19: Sổ Cái tài khoản 152.....	62
Bảng 3.1: Sổ danh điểm nguyên vật liệu.....	68
Bảng 3.2: Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu.....	70

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Trang

Sơ đồ 1.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu	9
Sơ đồ 1.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu	9
Sơ đồ 1.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song .	12
Sơ đồ 1.4 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư	14
Sơ đồ 1.5 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	15
Sơ đồ 1.4 Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến NVL	18
Sơ đồ 1.5 Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến NVL	20
Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ	23
Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ	24
Sơ đồ 1.8 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung	25
Sơ đồ 1.9 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký - sổ cái.....	26
Sơ đồ 1.10 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.....	27
Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	29
Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán.....	31
Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty	33
Sơ đồ 2.4 Quy trình nhập kho nguyên vật liệu.....	38
Sơ đồ 2.5 Quy trình xuất kho nguyên vật liệu.....	42

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện nền kinh tế mở cửa, các doanh nghiệp Việt Nam đang có những bước phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và loại hình kinh doanh. Với nhiều hình thức đa dạng, loại hình hoạt động phong phú, thay đổi linh hoạt, các doanh nghiệp đã góp phần quan trọng trong công việc thiết lập một nền kinh tế thị trường năng động trên đà ổn định và phát triển mạnh mẽ. Trước sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường, mỗi doanh nghiệp phải tạo ra cho mình hướng đi riêng sao cho hoạt động sản xuất mang lại hiệu quả cao nhất, trong đó tiết kiệm chi phí sản xuất là một trong những biện pháp quan trọng giúp doanh nghiệp thực hiện mục tiêu đó.

Muốn tiết kiệm chi phí sản xuất thì phải tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu vì nguyên vật liệu là đối tượng lao động, một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở cấu thành thực thể sản phẩm. Do vậy ở các doanh nghiệp sản xuất, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí, vậy việc hạch toán và sử dụng nguyên vật liệu hợp lý sẽ góp phần quan trọng trong việc đề ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp để tối đa hóa lợi nhuận.

Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Sản phẩm của công ty không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước mà còn cạnh tranh được với thị trường nước ngoài. Vậy để nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh thì công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cần phải hoàn thiện hơn nữa.

Nhận thức được vai trò quan trọng của kế toán nguyên vật liệu trong việc quản lý chi phí, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh”** làm đề tài cho khóa luận tốt nghiệp.

Qua thời gian nghiên cứu và tổng hợp tài liệu cùng với sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Th.s Vũ Kim Lan và phòng Tài chính - Kế toán của Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh em đã hoàn thành khóa luận của mình.

Kết cấu khóa luận gồm 3 phần chính:

Chương 1. Cơ sở lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất

Chương 2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh

Chương 3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh

Mục đích nghiên cứu của đề tài: Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất và thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh để đưa ra các đánh giá khái quát về thực trạng từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh.

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: là nghiên cứu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất. Đồng thời, khóa luận tập trung giải quyết những vấn đề công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh, từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh.

Phạm vi nghiên cứu của khóa luận: được giới hạn ở công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh và số liệu minh họa năm 2012.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Vị trí của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh

Khi tiến hành sản xuất, tất cả các doanh nghiệp đều cần đến nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu là đối tượng lao động, một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất (tư liệu lao động, đối tượng lao động, sức lao động), là cơ sở cấu thành thực thể sản phẩm.

Khác với tư liệu lao động, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị của nó được chuyển dịch một lần vào giá trị sản phẩm trong kỳ.

Trong các doanh nghiệp khác nhau, nguyên vật liệu được thể hiện dưới dạng vật hóa khác nhau như: mía trong doanh nghiệp sản xuất đường, bông trong doanh nghiệp sản xuất tấm bông, sắt thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, sữa, bột mì, đường trong doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo...

Từ những đặc điểm trên đã cho ta thấy nguyên vật liệu là nhân tố quan trọng tác động đến quá trình sản xuất của doanh nghiệp. Không có nguyên vật liệu thì chắc chắn không thể tiến hành sản xuất, việc sản xuất sẽ bị ngừng trệ. Mặt khác, nguyên vật liệu cũng quyết định đến chất lượng sản phẩm làm ra. Dù cho doanh nghiệp có áp dụng đúng quy trình, kỹ thuật chế tạo sản phẩm mà sử dụng nguyên vật liệu có chất lượng kém thì cũng không thể có được sản phẩm tốt đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

Như chúng ta biết, chi phí về nguyên vật liệu thường chiếm tỉ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó, giá cả nguyên vật liệu luôn biến động trên thị trường, điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải có những kế hoạch thu mua và dự trữ nguyên vật liệu một cách hợp lý nhằm hạ thấp giá thành, tối đa hóa lợi nhuận. Vì vậy nguyên vật liệu có vai trò rất quan trọng nên doanh nghiệp cần phải tổ chức tốt, kiểm soát chặt chẽ tình hình quản lý, sử dụng các yếu tố đầu vào mà đặc biệt là nguyên vật liệu. Do đó việc tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu là không thể thiếu được trong toàn bộ công tác quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

1.1.2. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

Vì nguyên vật liệu có một vị trí rất quan trọng trong sản xuất. Hơn nữa, trong doanh nghiệp chúng loại nguyên vật liệu rất đa dạng, phong phú, được bảo quản trên phạm vi rộng. Do đó một yêu cầu đặt ra là phải quản lý chặt chẽ từng nguyên vật liệu cả về số lượng, chất lượng và kết cấu. Vì vậy doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống

đánh điểm vật liệu và đánh số danh điểm cho vật liệu và quản lý tốt ở tất cả các khâu từ thu mua, dự trữ, tồn kho cho đến sử dụng.

- **Khâu mua:** quản lý số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, giá mua, chi phí mua cũng như kế hoạch mua theo đúng tiến độ, thời gian đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Khâu bảo quản và dự trữ:** tại kho phải trang bị phương tiện cân đo cần thiết. Tổ chức bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu, sắp xếp nguyên vật liệu gọn gàng, khoa học, đảm bảo thuận lợi cho việc xuất kho, nhập kho, kiểm kê. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần xác định mức dự trữ tối thiểu, tối đa cần cho sản xuất, thực hiện đầy đủ quy định về lập sổ danh điểm nguyên vật liệu, tiến hành kiểm kê, đối chiếu tránh thất thoát.

- **Khâu sử dụng:** sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức, dự toán nhằm tiết kiệm chi phí vật liệu góp phần quan trọng để hạ giá thành sản phẩm tăng thu nhập và tích lũy cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, doanh nghiệp phải dựng kho tàng, bến bãi đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí nhân viên thủ kho có đủ phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn để quản lý tồn kho và thực hiện các nghiệp vụ nhập, xuất kho.

Bảng 1.1: Sổ điểm danh nguyên vật liệu

Loại: Nguyên vật liệu chính – Ký hiệu 1521

Ký hiệu		Tên, nhãn hiệu, quy cách NVL	Đơn vị tính	Đơn giá hạch toán	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm NVL				
1521.01	1521.01.01				
	1521.01.02				
				
1521.02	1521.02.01				
	1521.02.02				
				

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

Xuất phát từ vai trò và yêu cầu quản lý của nguyên vật liệu trong sản xuất đòi hỏi doanh nghiệp phải có một công cụ để kiểm soát chặt chẽ tình hình quản lý và sử dụng

nguyên vật liệu. Công cụ đó chính là kế toán. Kế toán nguyên vật liệu cần thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tổ chức đánh giá và phân loại nguyên vật liệu phù hợp với các nguyên tắc, yêu cầu quản lý của Nhà nước.
- Tổ chức chứng từ, sổ sách kế toán phù hợp để ghi chép, phân loại nguyên vật liệu sao cho phù hợp với doanh nghiệp. Ghi chép, phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời số lượng, chất lượng và giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.
- Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời số lượng và giá trị nguyên vật liệu xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu.
- Phân bổ hợp lý giá trị nguyên vật liệu sử dụng vào đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh.
- Tính toán phản ánh chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu xuất kho, phát hiện kịp thời nguyên vật liệu thiếu, thừa, ứ đọng, kém phẩm chất để doanh nghiệp có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế tối đa thiệt hại có thể xảy ra.
- Lập các báo cáo liên quan đến nguyên vật liệu, đánh giá tình hình thu mua nguyên vật liệu nhằm đưa ra thông tin đầy đủ, kịp thời cho nhà quản lý.

1.2. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu

1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp bao gồm nhiều chủng loại khác nhau với nội dung kinh tế, công dụng khác nhau. Để phân loại nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất người ta cần căn cứ vào nội dung kinh tế, vai trò từng thứ, loại nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Theo đó mà nguyên vật liệu được phân loại theo các tiêu thức sau:

Căn cứ vào vai trò và tác dụng của vật liệu trong sản xuất, vật liệu được chia thành các loại sau:

+ **Nguyên liệu, vật liệu chính:** là những nguyên liệu, vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất sẽ cấu thành nên thực thể sản phẩm, toàn bộ giá trị của nguyên vật liệu được chuyển vào giá trị sản phẩm mới.

+ **Vật liệu phụ:** là các loại vật liệu được sử dụng trong sản xuất để tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc phục vụ cho công việc quản lý sản xuất, bao gói sản phẩm... Các loại vật liệu này không cấu thành nên thực thể sản phẩm chỉ có tác dụng phụ trợ trong sản xuất.

+ **Nhiên liệu:** là những thứ có tác dụng cung cấp năng lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh, phục vụ cho công nghệ sản xuất, phương tiện vận tải, công tác quản lý... Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, rắn hay khí.

+ **Phụ tùng thay thế:** là những chi tiết, phụ tùng dùng để thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải...

+ **Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản:** là những vật tư được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản.

+ **Phế liệu:** là các loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hay thanh lý tài sản có thể sử dụng hay bán.

+ **Vật liệu khác:** là các loại vật liệu không được xếp vào các loại trên như các loại vật tư đặc chủng.

Nguyên vật liệu chia theo cách này giúp doanh nghiệp xác định mức tiêu hao, dự trữ của từng loại nguyên vật liệu và là cơ sở tổ chức kế toán chi tiết.

Căn cứ mục đích sử dụng nguyên vật liệu hay nội dung quy định phản ánh chi phí nguyên vật liệu trên các tài khoản kế toán, vật liệu được chia thành:

- + Nguyên vật liệu dùng cho trực tiếp sản xuất kinh doanh.
- + Nguyên vật liệu dùng cho quản lý.
- + Nguyên vật liệu dùng cho mục đích khác.

Căn cứ mục đích sử dụng nguyên vật liệu hay nội dung quy định phản ánh chi phí nguyên vật liệu trên các tài khoản kế toán để chia nguyên vật liệu nhằm ghi chép, phản ánh chi phí nguyên vật liệu phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh và việc tính toán chi phí nguyên vật liệu cho từng đối tượng chịu chi phí.

Căn cứ vào nguồn hình thành, nguyên vật liệu của doanh nghiệp được chia thành: nguyên vật liệu mua ngoài, nguyên vật liệu tự sản xuất gia công chế biến, nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến, nguyên vật liệu nhận vốn góp, nhận lại vốn góp, được biếu tặng... Việc phân loại nguyên vật liệu như này giúp doanh nghiệp xây dựng kế hoạch cung ứng nguyên vật liệu phù hợp và xác định chi phí cấu thành nên giá vốn nguyên vật liệu theo từng nguồn.

Cách phân loại này là cơ sở để kiểm tra, xác định giá vật liệu nhập kho hợp lý. Đồng thời nó cũng là cơ sở để nhà quản trị phân tích đánh giá lựa chọn cách thức mua hoặc nhập vật liệu từ các nguồn mua tốt nhất.

1.2.2. Tính giá nguyên vật liệu

Tính giá nguyên vật liệu là việc dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định. Theo quy định hiện hành tính giá nguyên vật

liệu khi nhập kho phản ánh theo giá vốn thực tế và khi xuất kho cũng tính toán xác định giá thực tế xuất kho theo đúng phương pháp quy định dựa trên các chứng từ hợp lệ chứng minh khoản chi của doanh nghiệp để tạo ra nguyên vật liệu.

1.2.2.1. Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất được mua từ nhiều nguồn khác nhau, vì vậy cách tính giá nguyên vật liệu cũng khác nhau cho từng nguồn đầu vào:

+ Nguyên vật liệu do mua ngoài:

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá thực} \\ \text{của NVL} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Trị giá} \\ \text{mua ghi} \\ \text{trên hóa} \\ \text{đơn} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm giá và} \\ \text{CKTM} \\ \text{(nếu có)} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí trực} \\ \text{tiếp phát} \\ \text{sinh trong} \\ \text{khâu mua} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Thuế nhập} \\ \text{khẩu (nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

- Chi phí trực tiếp phát sinh khi mua: vận chuyển, thuê kho, bãi, bốc xếp,...
- Nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì thuế GTGT không được tính vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu.
- Nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT được tính vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu.

+ Nguyên vật liệu nhập kho do tự sản xuất, gia công chế biến:

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá thực của} \\ \text{NVL gia công} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{của NVL xuất gia} \\ \text{công chế biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí gia công} \\ \text{chế biến} \end{array}$$

+ Nguyên vật liệu do thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá thực của} \\ \text{NVL gia công nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{của NVL xuất} \\ \text{gia công chế biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí gia} \\ \text{công biến} \\ \text{thuê ngoài} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc} \\ \text{dỡ...} \end{array}$$

+ Nguyên vật liệu do nhận vốn góp, nhận lại vốn góp, biếu tặng,...: giá vốn thực tế là trị giá do hội đồng giao nhận đánh giá cộng chi phí liên quan đến việc nhận nguyên vật liệu.

+ *Phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất*: được đánh giá theo giá trị hợp lý.

+ *Đối với nguyên vật liệu vay, mượn*: thì giá thực tế của nguyên vật liệu được tính theo giá trị thị trường của nguyên vật liệu tại thời điểm đó.

1.2.2.2. Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho

Nguyên vật liệu nhập kho từ nhiều khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau. Do đó khi xuất kho nguyên vật liệu tùy thuộc vào những đặc điểm hoạt động, yêu cầu, trình độ quản lý và điều kiện trang thiết bị phương tiện kỹ thuật tính toán của từng doanh nghiệp mà lựa chọn một trong những phương pháp sau đây để tính trị giá nguyên vật liệu xuất kho:

Phương pháp đích danh:

Theo phương pháp này khi xuất kho nguyên vật liệu thuộc lô nào thì lấy giá nhập kho của lô đó để xác định trị giá vốn xuất kho bởi vì nguyên vật liệu được xác định giá trị giữ nguyên như khi nhập vào. Phương pháp này chỉ áp dụng với doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu có số lần xuất ít, giá trị lớn và nhận diện được từng lô hàng.

Ưu điểm: trị giá nguyên vật liệu xuất kho tính theo phương pháp này là chính xác và kịp thời nhất. Ngoài ra, giúp doanh nghiệp theo dõi được thời hạn sử dụng của từng lô nguyên vật liệu.

Nhược điểm: phức tạp trong công tác quản lý bởi vì phương pháp này đòi hỏi phải theo dõi nguyên vật liệu xuất theo từng lô cả về mặt hiện vật và giá trị vì vậy hệ thống kho của doanh nghiệp phải được tổ chức có trật tự.

Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này, giá trị của nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị thực tế} & & \text{Số lượng} & & \text{Đơn giá} \\ \text{NVL xuất kho} & = & \text{NVL xuất} & \times & \text{bình quân} \end{array}$$

Trong đó đơn giá bình quân được tính theo một trong hai cách sau:

- Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

$$\begin{array}{rcccl} \text{Đơn giá bình} & & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế NVL} \\ \text{quân cả kỳ dự trữ} & = & \text{NVL tồn đầu} & + & \text{nhập trong kỳ} \\ & & \text{Số lượng thực tế} & & \text{Số lượng thực tế} \\ & & \text{NVL tồn đầu kỳ} & + & \text{NVL nhập trong kỳ} \end{array}$$

Phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp nhập xuất nguyên vật liệu nhiều và tính cho từng danh điểm nguyên vật liệu.

Ưu điểm: tính giá theo phương pháp này đơn giản, dễ làm và không phụ thuộc vào số lần nhập – xuất nguyên vật liệu.

Nhược điểm: Trị giá xuất kho tính theo phương pháp này không chính xác bằng phương pháp đích danh, hơn nữa cuối kỳ mới có số liệu ghi chép nguyên vật liệu xuất kho làm chậm trễ công tác kế toán và lập báo cáo tài chính. Ngoài ra, tính giá theo phương pháp này có xu hướng che đậy sự biến động của giá ảnh hưởng đến công tác quyết toán chung.

- Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập:

Đơn giá bình quân này chỉ thay đổi khi có lô hàng mới nhập vào nên gọi là đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập. Kế toán tính đơn giá bình quân cho nguyên vật liệu theo công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này thường được sử dụng ở các doanh nghiệp có ít nguyên vật liệu và số lượng nhập kho không nhiều. Tính theo phương pháp này khắc phục được nhược điểm của phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ vừa chính xác vừa cập nhật, thuận lợi áp dụng trong kế toán máy. Nhưng việc tính toán phức tạp và tốn nhiều công sức.

Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

Phương pháp này dựa trên giả định nguyên vật liệu nào nhập kho trước sẽ được xuất trước, khi xuất kho nguyên vật liệu thuộc lô nào lấy đơn giá nhập kho của lô đó để tính trị giá xuất. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

Ưu điểm: nếu giá cả có xu hướng tăng thì giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ gần sát với giá thực tế tại thời điểm cuối kỳ.

Nhược điểm: chi phí mang tính chất quá khứ, doanh thu mang tính chất hiện tại nên không phản ánh đúng giá cả thị trường của nguyên vật liệu. Đồng thời, phương pháp này tốn nhiều công sức do phải tính giá riêng cho từng nguyên vật liệu và từng lần xuất khác nhau.

Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

Phương pháp này giả định nguyên vật liệu nào nhập sau sẽ được xuất trước, khi xuất nguyên vật liệu thuộc lô nào lấy đơn giá nhập kho của lô đó để tính trị giá xuất kho. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ có thể tính theo đơn giá của những lần

nhập trước đó rất lâu. Phương pháp này và phương pháp nhập trước xuất trước đều đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi được đơn giá của từng lần nhập kho.

Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát. Tính giá xuất kho theo phương pháp này giúp doanh nghiệp phản ánh kịp thời với giá trị thị trường của nguyên vật liệu tại thời điểm xuất kho. Tuy nhiên khối lượng tính toán khá phức tạp và tốn nhiều công sức.

1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, nhóm nguyên vật liệu về số lượng và giá trị. Vì vậy, các doanh nghiệp cần phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết và vận dụng các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp góp phần tăng cường quản lý nguyên vật liệu.

1.3.1. Chứng từ kế toán

Kế toán tình hình nhập xuất vật liệu liên quan đến nhiều chứng từ kế toán khác nhau, bao gồm những chứng từ có tính chất bắt buộc lẫn chứng từ có tính chất hướng dẫn hoặc tự lập. Tuy nhiên dù là loại chứng từ gì cũng phải đảm bảo có đầy đủ các yếu tố cơ bản, tuân thủ chặt chẽ trình tự lập, phê duyệt và luân chuyển chứng từ để phục vụ cho yêu cầu quản lý ở các bộ phận có liên quan và yêu cầu ghi sổ kiểm tra của kế toán. Kế toán viên cần tuân thủ đúng chế độ ghi chép về nguyên vật liệu được Nhà nước ban hành theo quyết định số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính. Hiện nay, kế toán sử dụng các chứng từ chủ yếu sau:

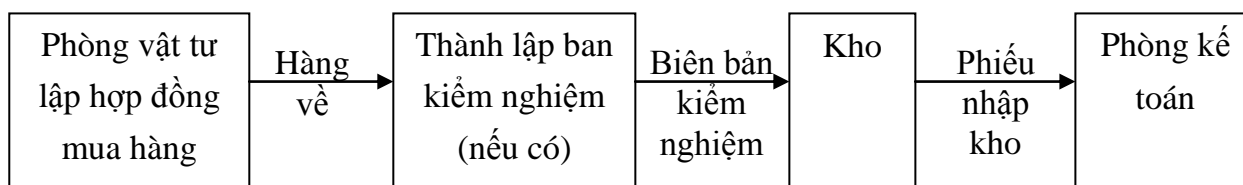
- Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu 01 - GTKT).
- Phiếu nhập kho (mẫu 01 - VT).
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 - VT).
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03 – VT).
- Hoá đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT).
- Thẻ kho (mẫu 06 – VT).
- Hoá đơn cước phí vận chuyển (mẫu 03 – BH).

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo qui định của Nhà nước, các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán hướng dẫn như: Phiếu xuất vật liệu theo hạn mức (mẫu 04 - VT), Biên bản kiểm nghiệm vật liệu (mẫu 05 - VT), Phiếu báo vật liệu còn lại cuối kỳ (mẫu 07 – VT)... và các chứng từ khác tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp.

1.3.2. Thủ tục nhập xuất kho nguyên vật liệu

1.3.2.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Sơ đồ 1.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu



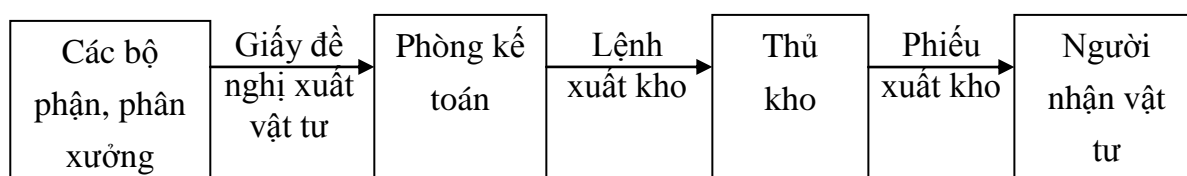
Bộ phận cung ứng dựa trên cơ sở hợp đồng mua hàng, hoá đơn, biên bản kiểm nghiệm vật tư để lập “Phiếu nhập vật kho”. Phiếu nhập vật tư lập thành 2 liên (đối với vật tư mua ngoài), 3 liên (đối với vật tư tự sản xuất). Thủ kho sau khi nhận vật tư ghi số lượng vào cột thực nhập, ký nhận.

- Liên1: Do bộ phận lập phiếu giữ.
- Liên2: Thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán.
- Liên 3(nếu có): Người nhập giữ.

Còn hợp đồng mua hàng, hoá đơn của người bán được giao cho bộ phận tài vụ , làm thủ tục thanh toán và ghi sổ kế toán.

1.3.2.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Sơ đồ 1.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu



Bộ phận cung ứng lập phiếu xuất kho để theo dõi số lượng vật tư xuất kho cho các bộ phận, phân xưởng để có kế hoạch cung ứng vật tư kịp thời cho sản xuất và làm căn cứ để kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Phiếu xuất kho lập thành 3 liên:

- Liên 1: Do bộ phận lập phiếu giữ.
- Liên 2: Thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán.
- Liên 3: Người nhận vật tư giữ.

Đối với trường hợp xuất bán vật liệu, bộ phận cung ứng căn cứ vào những thoả thuận của khách hàng để lập “Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho”. Phiếu này được lập làm

3 liên: Một liên giao cho khách hàng; một liên giao cho bộ phận cung ứng; một liên giao cho thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán.

1.3.3. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu là việc theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn của từng thứ, nguyên vật liệu ở từng kho cả chỉ tiêu số lượng và giá trị thực hiện cả ở kho và phòng kế toán.

Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp được hạch toán chi tiết theo từng người chịu trách nhiệm vật chất và theo từng lô, từng loại, từng thứ vật tư. Tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp cần kết hợp chặt chẽ với hạch toán nghiệp vụ ở kho nhằm giảm việc ghi chép trùng lặp giữa các loại hạch toán. Tùy theo yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp và ưu nhược điểm của mỗi phương pháp mà doanh nghiệp lựa chọn một trong các phương pháp hạch toán chi tiết sau đây:

1.3.3.1. Phương pháp thẻ song song

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp có danh mục vật tư ít, mật độ nhập xuất dày đặc, kho tàng tập trung, có khả năng quản lý và kế toán vật tư.

- **Ở kho:** mở thẻ kho cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu giống như ở phòng kế toán để ghi chép nghiệp vụ, phản ánh số hiện có và tình hình biến động của nguyên vật liệu trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất.

- **Ở phòng kế toán:** mở sổ chi tiết cho từng loại hay từng thứ nguyên vật liệu, theo từng địa điểm bảo quản để ghi chép số hiện có, sự biến động của từng loại nguyên vật liệu trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất hàng ngày.

Cuối tháng đối chiếu số liệu hạch toán chi tiết ở phòng kế toán với số liệu hạch toán nghiệp vụ ở nơi bảo quản. Sau đó kế toán lập bảng chi tiết số phát sinh của TK 152 (bảng kê nhập, xuất, tồn kho) để đối chiếu số liệu hạch toán chi tiết với số liệu kế toán tổng hợp trên tài khoản tổng hợp.

Ưu điểm: ghi chép đơn giản, dễ đối chiếu và phát hiện sai sót, cung cấp thông tin tình hình nhập - xuất - tồn kho của nguyên vật liệu kịp thời và chính xác.

Nhược điểm: khối lượng công việc lớn, trùng lặp trong khâu ghi chép và công việc bị dồn vào cuối kỳ.

Bảng 1.2: Thẻ kho**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ:.....

Tờ số:.....

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư:.....

Đơn vị tính: :.....

Mã số: :.....

Số thứ tự	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	1	2	3	F	
			Tồn đầu kỳ					
							
			Cộng phát sinh					
			Tồn cuối kỳ					

Bảng 1.3: Sổ chi tiết vật liệu**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU**

Tài khoản: tiêu khoản..... Kho:..... Trang:.....

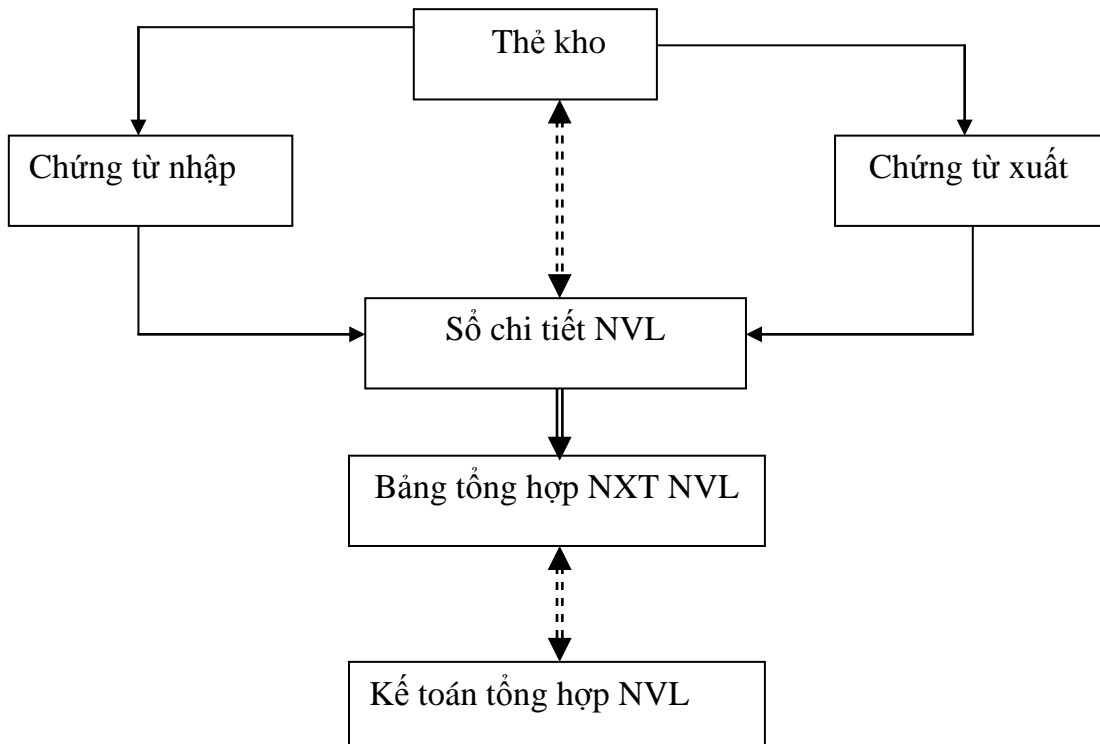
Năm:..... Đơn vị tính:.....

Tên vật liệu (sản phẩm, hàng hóa):.....

Quy cách, phẩm chất:.....

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
			Tồn đầu kỳ									
											
			Cộng phát sinh									
			Tồn cuối kỳ									

Sơ đồ 1.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ◄====► Đối chiếu số liệu
- ====> Ghi cuối tháng

1.3.3.2. Phương pháp sổ số dư

Phương pháp này được áp dụng cho những doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu, số lượng chứng từ nhập xuất nhiều, tổ chức hệ thống kho phân tán và không có khả năng hạch toán chi tiết hàng ngày.

- **Ở kho:** mở thẻ kho để ghi chép, phản ánh số hiện có và sự biến động của nguyên vật liệu về số lượng trên cơ sở các chứng từ nhập xuất kho. Cuối tháng căn cứ vào số liệu trên thẻ kho, thủ kho ghi số lượng vật tư tồn kho theo từng danh điểm vật tư vào sổ số dư.

Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, trước ngày cuối tháng, kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ. Ghi xong thủ kho phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

- **Ở phòng kế toán:** khi nhận được chứng từ nhập, xuất và phiếu giao nhận chứng từ chuyển lên, kế toán kiểm tra, tính giá và lập bảng kê nhập - xuất - tồn kho vật liệu.

Cuối tháng khi nhận được sổ số dư do thủ kho gửi lên, kế toán căn cứ vào số lượng tồn kho cuối tháng do thủ kho ghi ở sổ số dư và đơn giá từng thứ nguyên vật liệu để tính ra giá trị tồn kho và ghi vào cột tiền trên sổ số dư. Số liệu ở sổ số dư sẽ được đối chiếu với tồn kho trên bảng kê nhập - xuất - tồn và đối chiếu với số liệu kế toán tổng hợp.

Ưu điểm: tránh được ghi chép trùng lặp, dàn đều công việc ghi sổ trong kỳ, cung cấp thông tin về tình hình nhập - xuất - tồn kho của từng nguyên vật liệu kịp thời.

Nhược điểm: khó kiểm tra đối chiếu và phản ánh sai sót, đòi hỏi nhân viên kế toán và thủ kho phải có trình độ chuyên môn cao.

Bảng 1.4: Sổ số dư

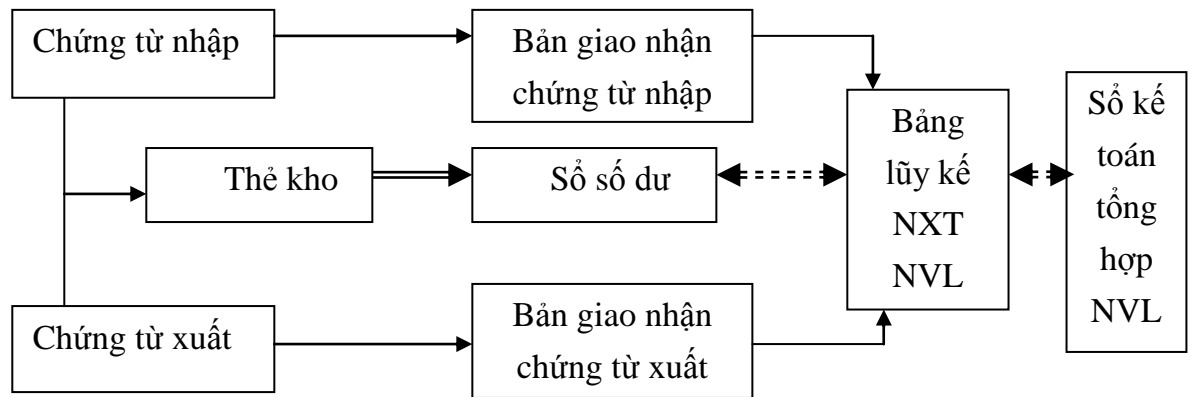
SỔ SỐ DƯ

Năm:....

Kho:...

Số danh điểm	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Định mức dự trữ (số lượng)		Số dư đầu năm		Tồn cuối tháng 1		Tồn cuối tháng 2		Tồn cuối tháng ...		Ghi chú
			Tối đa	Tối thiểu	SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT	
	...												
	Cộng												

Sơ đồ 1.4 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ◄=====► Đối chiếu số liệu
- ====> Ghi cuối tháng

1.3.3.3. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Phương pháp này được áp dụng cho những doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu, số lượng chứng từ nhập xuất không nhiều, giá trị không lớn lắm, số lượng kho tàng ít và kế toán vật tư kiêm nhiệm nhiều việc.

- **Ở kho:** thủ kho ghi thẻ kho theo dõi tình hình hiện có và sự biến động của từng nguyên vật liệu theo chỉ tiêu số lượng trên cơ sở các chứng từ nhập xuất kho.
- **Ở phòng kế toán:** căn cứ chứng từ nhập, xuất để lập bảng kê nhập, xuất hoặc tổng hợp để ghi lên sổ đối chiếu luân chuyển vào cuối kỳ theo từng nguyên vật liệu cả số lượng và giá trị. Cuối tháng tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

Ưu điểm: theo phương pháp này thì giảm nhẹ được khối lượng công việc cho kế toán viên.

Nhược điểm: khó khăn trong việc kiểm tra đối chiếu cuối kỳ và ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện các khâu kế toán khác.

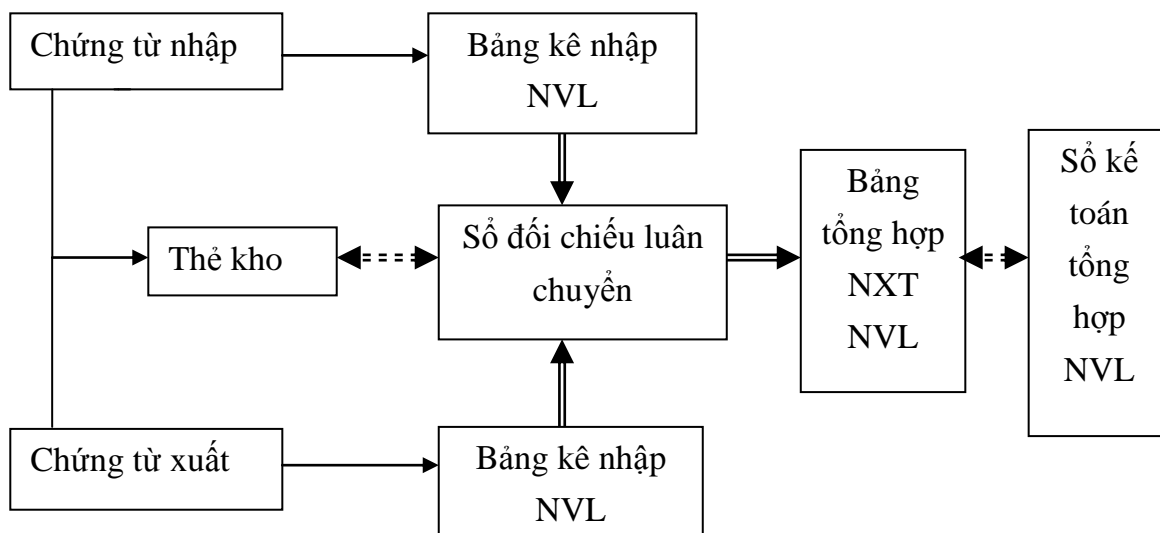
Bảng 1.5: Sổ đối chiếu luân chuyển vật liệu

SỔ ĐỐI CHIẾU LUÂN CHUYỂN VẬT LIỆU

Năm:...

Số điểm danh	Tên vật liệu	ĐV tính	Số dư định mức		Luân chuyển tháng 1				Luân chuyển tháng ...				Luân chuyển tháng 12				Ghi chú
					Nhập		Xuất		Nhập		Xuất		Nhập		Xuất		
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	T T	SL	TT	
...																	
	Cộng																

Sơ đồ 1.5 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ↔ ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
- ⇒ Ghi cuối tháng

1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

1.4.1. Các phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

1.4.1.1. Phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp ghi chép, phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình nhập, xuất kho trên các tài khoản nguyên vật liệu căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho xác định ngay trên các tài khoản nguyên vật liệu tại bất kỳ thời điểm nào. Cuối kỳ tiến hành kiểm kê, nếu có chênh lệch giữa số liệu thực tế và số liệu trên sổ kế toán phải tìm rõ nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

Ưu điểm: có độ chính xác cao và cung cấp thông tin hàng tồn kho ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Nhược điểm: khối lượng ghi chép nhiều, không thích hợp với những doanh nghiệp có sử dụng những loại hàng tồn kho mà giá trị nhỏ thường xuyên xuất dùng, xuất bán.

1.4.1.2. Phương pháp kiểm kê định kỳ

Là phương pháp không theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình nhập, xuất kho trên tài khoản nguyên vật liệu. Các tài khoản này chỉ dùng để phản ánh trị giá nguyên vật liệu hiện có lúc đầu kỳ và cuối kỳ, căn cứ vào kết quả kiểm kê.

Trị giá nguyên vật liệu tăng trong kỳ được hạch toán vào tài khoản mua hàng căn cứ vào các chứng từ như Hóa đơn GTGT, Phiếu nhập kho,... Trị giá nguyên vật liệu xuất kho không căn cứ trực tiếp vào chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê nguyên vật liệu và trị giá nguyên vật liệu xuất kho được tính theo công thức:

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá vật tư} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Trị giá vật tư} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Tổng giá vật tư} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Trị giá vật tư} \\ \text{tồn cuối kỳ} \end{array}$$

Ưu điểm: đơn giản, dễ làm và giúp kế toán tiết kiệm được công sức ghi chép.

Nhược điểm: độ chính xác không cao, chỉ thích hợp với những doanh nghiệp có những chủng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa có giá trị nhỏ, thường xuyên xuất dùng, xuất bán.

1.4.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.4.2.1. Tài khoản kế toán sử dụng

TK152 - Nguyên vật liệu

TK 151 - Hàng mua đang đi đường

Ngoài các tài khoản trên, còn sử dụng các tài khoản như: TK 111, 112, 331, 133, 621, 627, 641, 642,...

- TK152 - Nguyên vật liệu: dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động về trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất trong kho.

Kết cấu của TK 152:

TK 152 – Nguyên vật liệu

<p>SDDK: Trị giá nguyên vật liệu tồn đầu kỳ</p> <p>+ Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho do mua, tự chế, thuê gia công, nhận góp vốn,...</p> <p>+ Trị giá nguyên vật liệu phát hiện thừa khi kiểm kê.</p> <p>+ Kết chuyển tồn kho cuối kỳ (PP KKĐK)</p>	<p>+ Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất, bán, thuê ngoài gia công, đi góp vốn.</p> <p>+ Trị giá nguyên vật liệu được giảm giá hoặc trả lại người bán.</p> <p>+ Trị giá nguyên vật liệu phát hiện thiếu khi kiểm kê.</p> <p>+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (PP KKĐK).</p>
<p>SDCK: Trị giá thực tế NVL tồn kho cuối kỳ</p>	

- TK 151 - Hàng mua đang đi đường: dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của số hàng mua thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về nhập kho hoặc chuyển cho các đối tượng sử dụng.

Kết cấu của TK 151:

TK 151 – Hàng mua đang đi đường

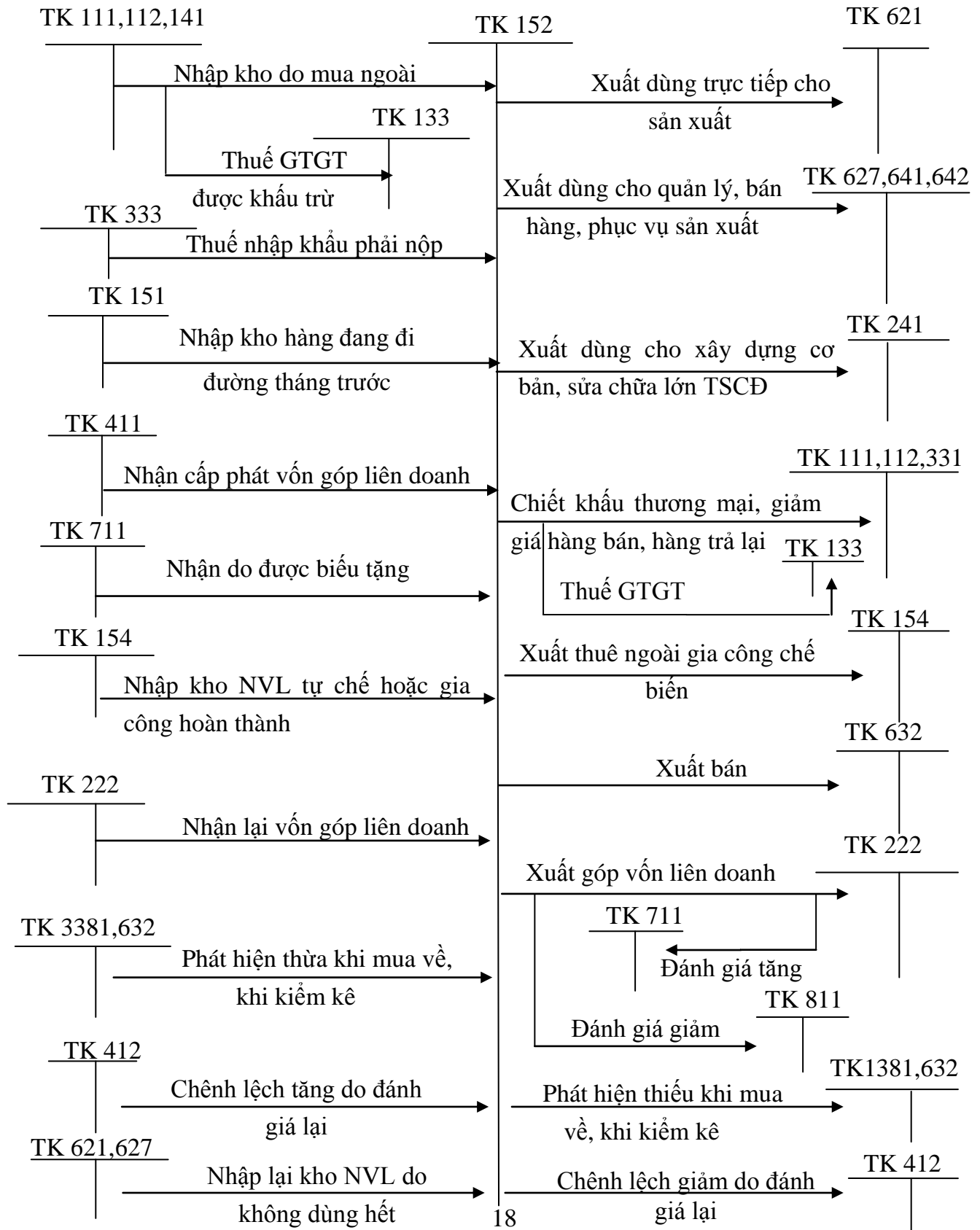
<p>SDDK: trị giá hàng đi đường chưa về nhập kho đầu kỳ.</p> <p>+ Giá trị hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường.</p> <p>+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu đang đi đường cuối kỳ (PP KKĐK).</p>	<p>+ Giá trị hàng hóa, vật tư đang đi đường đã về nhập kho hoặc chuyển giao cho các đối tượng sử dụng hoặc cho khách hàng.</p> <p>+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu đang đi đường đầu kỳ (PP KKĐK).</p>
<p>SDCK: Giá trị hàng đang đi đường chưa về nhập kho cuối kỳ</p>	

1.4.2.2. Phương pháp kế toán

Tại doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Sơ đồ 1.4 Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến NVL

(Trường hợp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



Tại doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Về cơ bản việc hạch toán các nghiệp vụ tăng, giảm nguyên vật liệu ở doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng được thực hiện tương tự như doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, chỉ khác là không tách riêng thuế ra mà giá thực tế của nguyên vật liệu bao gồm cả thuế GTGT.

Nợ TK 152 (Tổng giá thanh toán vật liệu mua ngoài)

Có TK liên quan (111, 112, 311, 331,...)

1.4.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.4.3.1. Tài khoản kế toán sử dụng

Theo phương pháp này, mọi biến động về vật tư không được theo dõi, phản ánh trên tài khoản 152 – Nguyên liệu vật liệu, giá trị vật tư mua vào được phản ánh trên tài khoản 611 – Mua hàng.

- TK 611: dùng để phản ánh tình hình biến động của nguyên vật liệu. Kết cấu của TK 611

TK 611- Mua hàng

+ Trị giá tế nguyên vật liệu, CCDC tồn kho đầu kỳ.	+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu, CCDC xuất dùng trong kỳ.
+ Trị giá thực nguyên vật liệu, CCDC mua vào trong kỳ .	+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu, CCDC trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.
	+ Trị giá thực tế của nguyên vật liệu, CCDC tồn kho cuối kỳ.

~~X~~

Tài khoản 611 có hai tài khoản cấp 2:

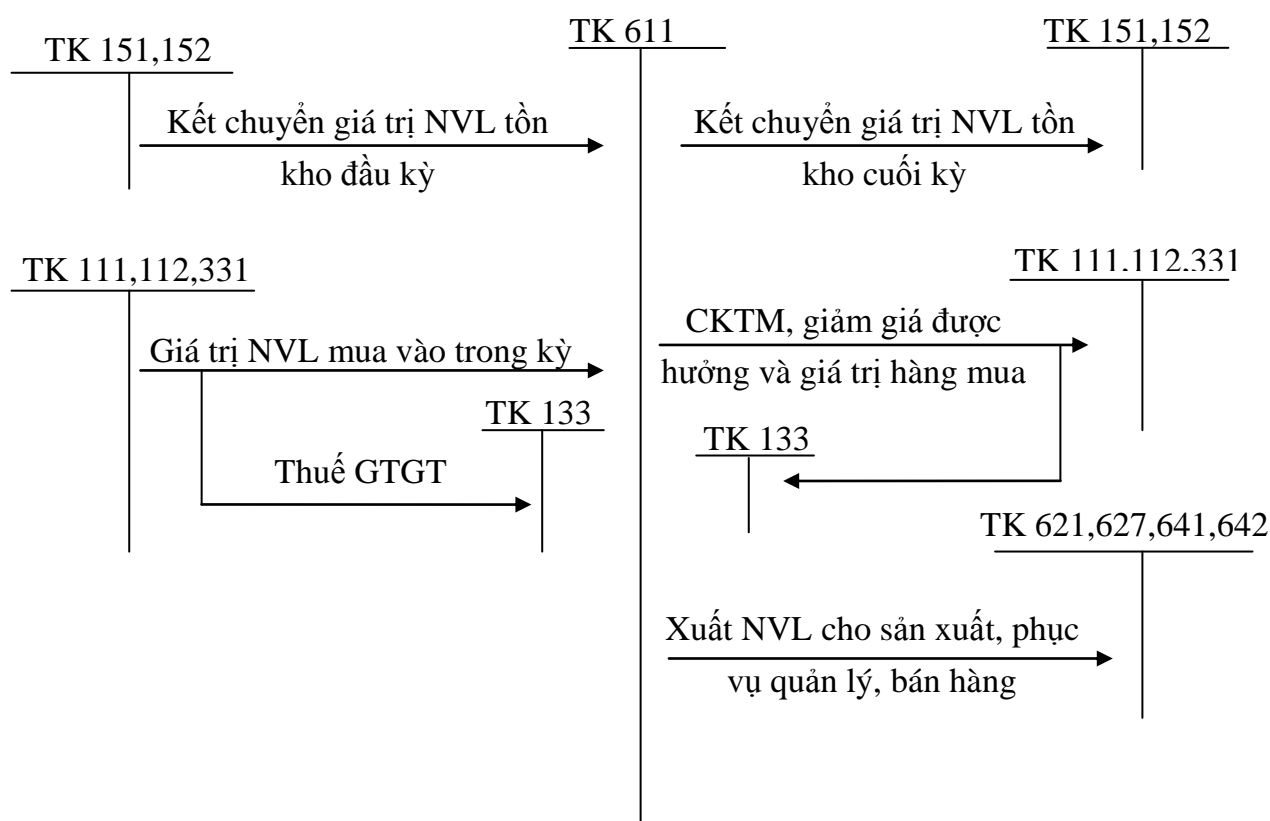
- TK 6111 – Mua nguyên, vật liệu
- TK 6112 – Mua hàng hoá

Ngoài ra còn sử dụng: TK 111, 112, 621, 627, 331,...

1.4.3.2. Phương pháp kế toán

Tại doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Sơ đồ 1.5 Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu liên quan đến NVL
(Trường hợp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



Tại doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Về cơ bản việc hạch toán các nghiệp vụ tăng, giảm nguyên vật liệu ở doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng được thực hiện tương tự như doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, chỉ khác là không tách riêng thuế ra mà giá thực tế của nguyên vật liệu bao gồm cả thuế GTGT.

Nợ TK 611 (Tổng giá mua bao gồm cả thuế)

Có TK liên quan (111, 112, 311, 331,...)

1.5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

1.5.1. Đặc điểm

Dự phòng thực chất là việc ghi nhận trước một khoản chi phí thực tế chưa thực chi vào chi phí kinh doanh của niên độ báo cáo để có nguồn tài chính cần thiết bù đắp những thiệt hại có thể xảy ra trong niên độ liền sau.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là ước tính một khoản vào chi phí (giá vốn hàng bán) vào thời điểm cuối niên độ khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng

tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị dự phòng vật tư được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của vật tư tồn lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá, đồng thời dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán.

Theo thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, mức lập dự phòng được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá vật tư} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư hàng} \\ \text{hóa thực tế tồn kho tại} \\ \text{thời điểm lập báo cáo} \\ \text{tài chính} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Giá gốc} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{kho theo sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần} \\ \text{có thể thực} \\ \text{hiện được của} \\ \text{hàng tồn kho} \end{array} \right)$$

Trong đó:

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán chúng.

1.5.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Kết cấu của TK 159

TK 159	
+ Hoàn nhập số dự phòng giảm giá hàng tồn kho	+ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
	SDCK: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ

1.5.3. Phương pháp hạch toán

- Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Cuối niên độ kế toán tiếp theo:

+ Trường hợp số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập cuối niên độ kế toán năm trước, thì số chênh lệch lớn hơn được lập thêm như sau:

Nợ TK 632 – giá vốn hàng bán

Có TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

+ Trường hợp số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập cuối niên độ kế toán năm trước, thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập như sau:

Nợ TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

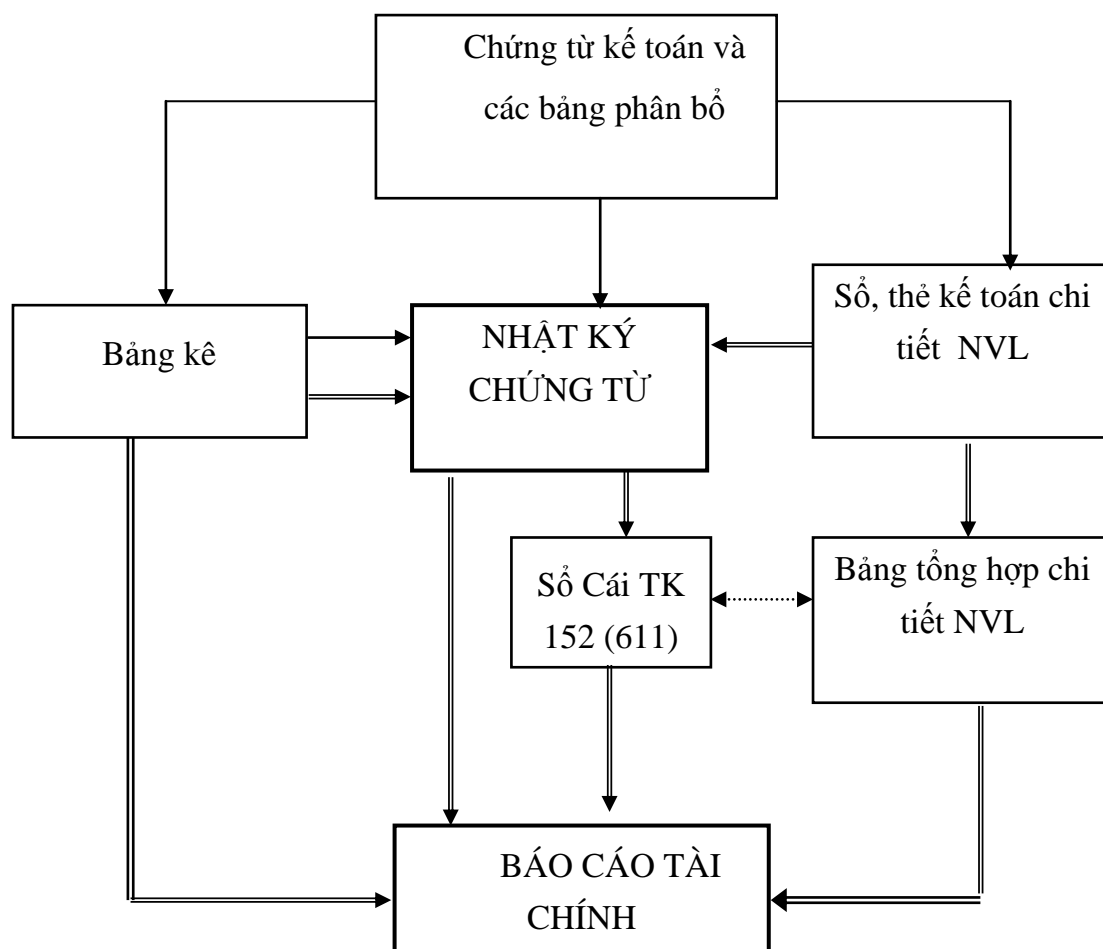
Có TK 632 – giá vốn hàng bán

1.6. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu theo các hình thức sổ kế toán

Quy mô nền sản xuất xã hội ngày càng phát triển, yêu cầu quản lý đối với nền sản xuất xã hội ngày càng cao, yêu cầu cung cấp thông tin ngày càng nhanh làm cho hình thức kế toán ngày càng được phát triển, hoàn thiện. Việc vận dụng hình thức sổ kế toán nào là tùy đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp.

1.6.1. Hình thức Nhật ký - Chứng từ

Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ

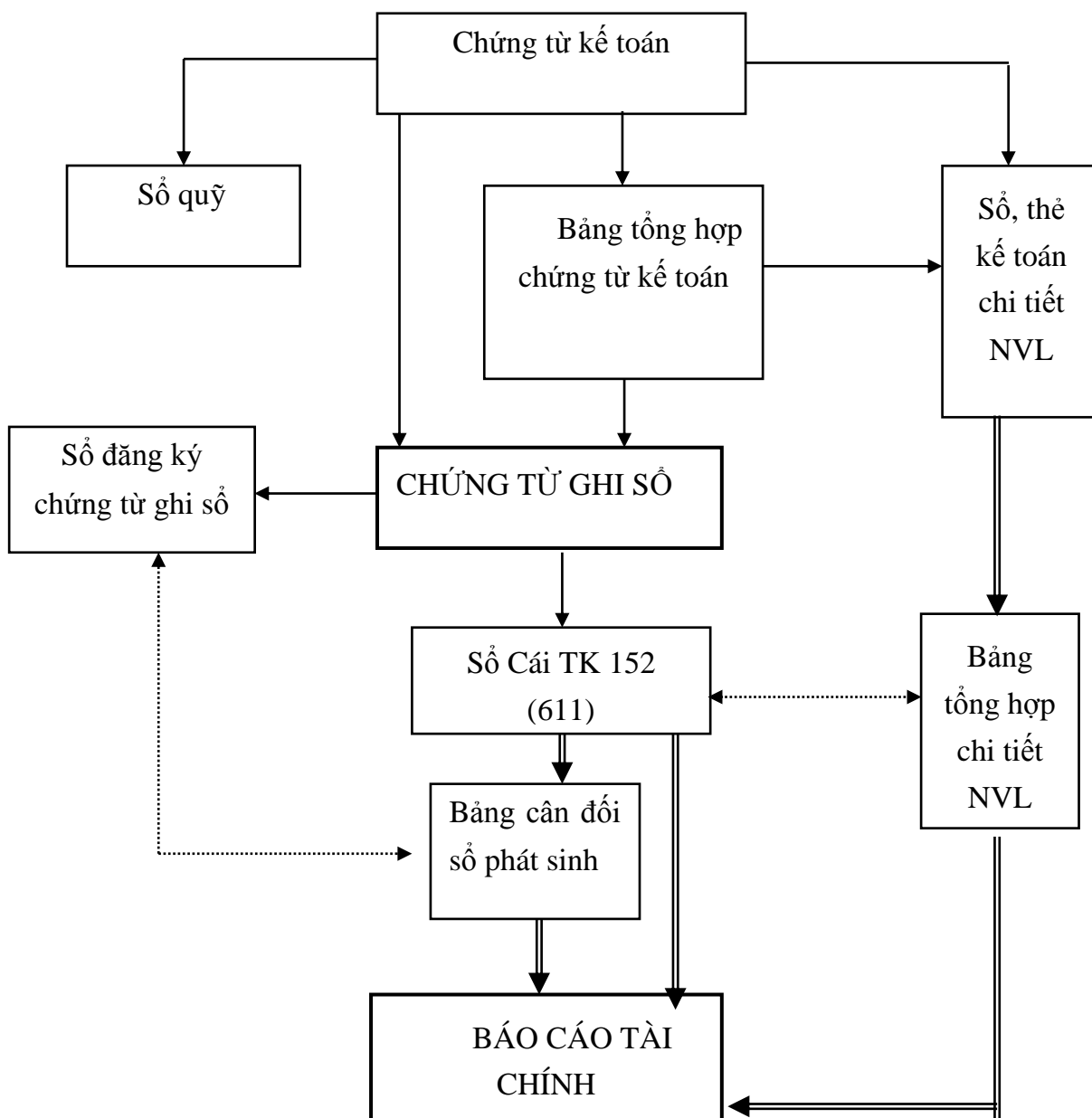


Ghi chú:

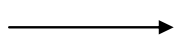
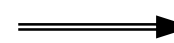
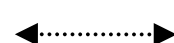
- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

1.6.2. Hình thức chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

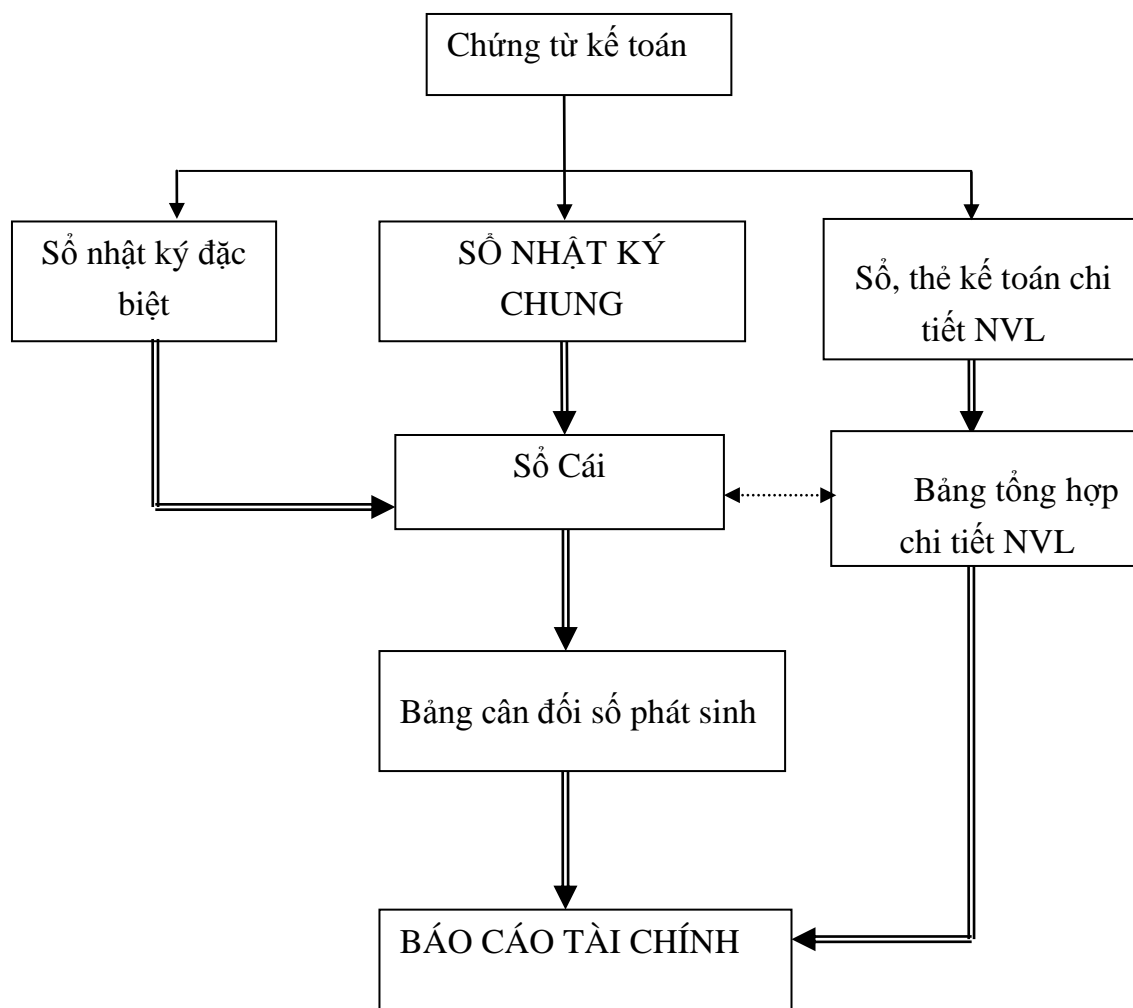


Ghi chú:

-  Ghi hàng ngày
-  Ghi cuối kỳ
-  Đối chiếu, kiểm tra

1.6.3. Hình thức nhật ký chung

Sơ đồ 1.8 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

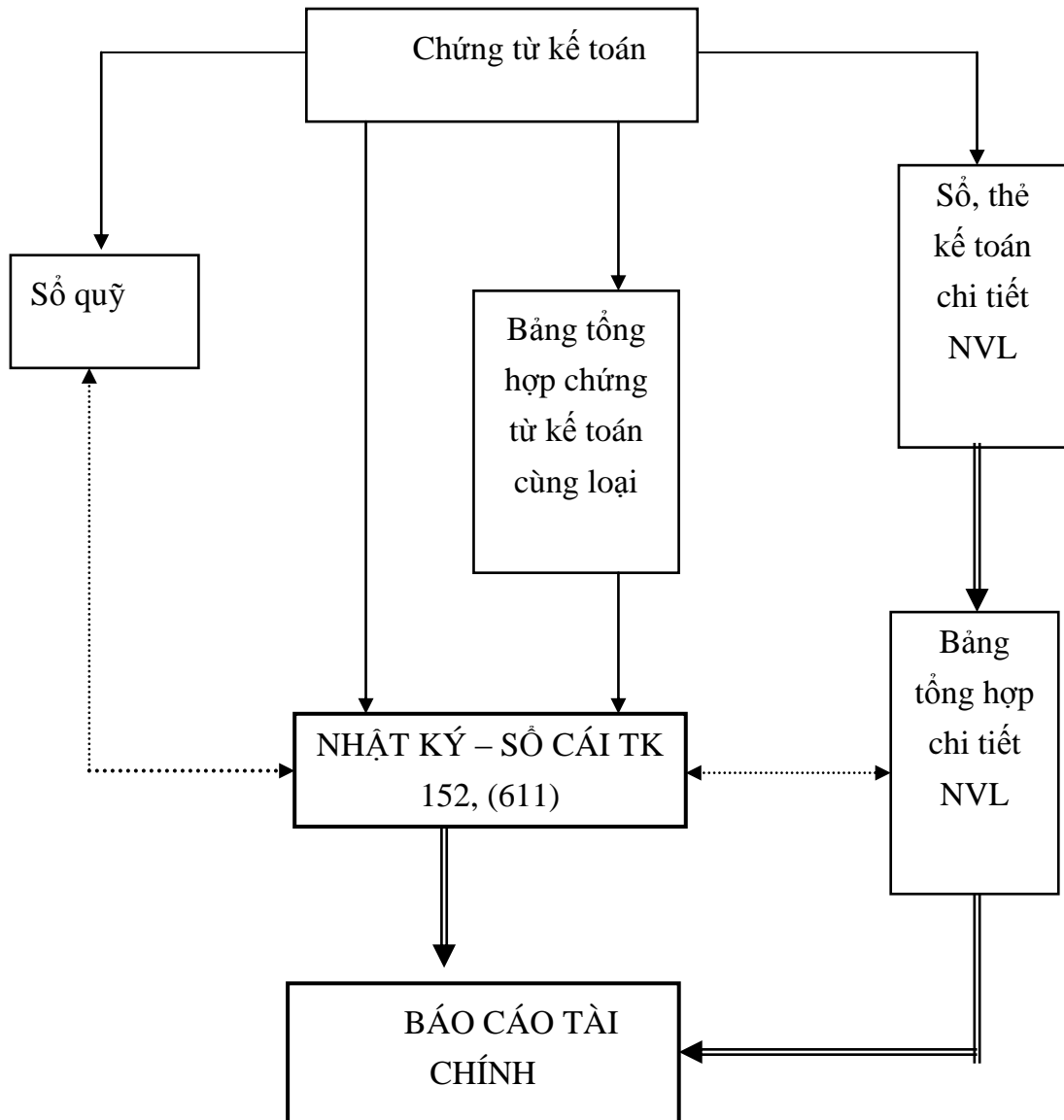


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối kỳ
- ◄-----► Đối chiếu, kiểm tra

1.6.4. Hình thức nhật ký - sổ cái

Sơ đồ 1.9 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký - sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối kỳ
- ←·····→ Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG ANH

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh

2.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển của Công ty*

Tên công ty: Công ty TNHH Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh

Địa chỉ: Số 12 – Cụm 1 – Khu Trung – Xuân Đình – Từ Liêm – Hà Nội

Mã số thuế: 0101509347

Điện thoại: 043.7577702 hoặc 043.8389686

Fax: 37577703

Website: www.hoanganhvn.com

Email: nova@hoanganhvn.com

Từ năm 2000 đến 2004, Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh tiền thân là một nhà phân phối sản phẩm hàng tiêu dùng.

Đến năm 2004 với việc kinh doanh ngày càng phát triển, nhu cầu các mặt hàng tiêu dùng ngày càng cao, chất lượng, mẫu mã sản phẩm phải đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Bởi vậy lúc này nhà phân phối chính thức đổi tên và thành lập Công ty TNHH Sản xuất và Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại như hiện nay. Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất – chủ yếu làm mặt hàng tấm bông vệ sinh tai chất lượng cao và kinh doanh các sản phẩm tiêu dùng khác.

Từ nhu cầu của thị trường trong nước và nước ngoài ngày càng cao, nên cuối năm 2006 Công ty mở thêm một xưởng vệ tinh chuyên đóng gói tại Đan Phượng – Hà Tây (nay là Hà Nội). Đến giữa năm 2008 mở thêm một xưởng vệ tinh tại Mê Linh – Hà Nội, tháng 3/2008 công ty đã triển khai được Dự án xuất khẩu hàng sang Nigeria, góp phần khẳng định, quảng bá thương hiệu sản phẩm “Tấm bông vệ sinh tai Hoàng Anh” không chỉ trong nước mà còn ở cả nước ngoài.

Với mục tiêu phát triển mang tính bền vững, đúng đắn và hiệu quả. Công ty đã tạo việc làm cho gần 200 cán bộ, công nhân viên. Từng bước cải thiện và nâng cao đời sống cho người lao động.

Xét thấy việc mở rộng qui mô sản xuất là cần thiết, đầu năm 2009 Giám đốc công ty quyết định liên doanh với cơ sở sản xuất Hoàng Anh tại huyện Thanh Miện – tỉnh Hải Dương lập dự án đầu tư xây dựng một nhà máy với qui mô và dây chuyền sản xuất hiện đại của Itailia với công suất dự kiến khoảng 60.000 kg sản phẩm/1tháng. Nhà máy đã được tỉnh Hải Dương chấp thuận đầu tư, UBND huyện Thanh Miện đã phê

duyet chấp thuận cho thuê gần 4.500m² đất tại xã Tứ Cường – huyện Thanh Miện – tỉnh Hải Dương.

Nhà máy đã được khởi công xây dựng từ tháng 8/2010. Đến tháng 4/2011 Công ty Hoàng Anh đã mua lại toàn bộ Dự án, tiếp tục nâng cấp và mở rộng qui mô nhà máy. Dự kiến hết năm 2013 nhà máy sẽ đi vào hoạt động đảm bảo việc làm cho khoảng 150 lao động tại địa phương.

Trong những năm hoạt động và phát triển Công ty đã đạt được những thành công lớn và khẳng định được vị trí của mình trên thị trường. Điều này đã giúp cho những cán bộ, công nhân viên của Công ty có động lực để hoàn thành tốt công việc của mình góp phần đẩy mạnh quá trình phát triển của Công ty.

2.1.2. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh

Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh chuyên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất tằm bông vệ sinh tai phục vụ nhu cầu hàng ngày của người tiêu dùng. Tằm bông vệ sinh tai là sản phẩm chăm sóc vệ sinh không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày vì vậy Công ty đã sản xuất ra nhiều loại sản phẩm có kích cỡ khác nhau nhằm phục vụ nhu cầu của người từ trẻ em đến người lớn. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của Công ty được đầu tư rất lớn. Các sản phẩm của công ty được sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng với nhiều chủng loại, kích cỡ to nhỏ khác nhau vì vậy cần sự quản lý chặt chẽ đảm bảo chính xác và tiết kiệm. Quy mô sản xuất của Công ty:

- Nhà xưởng: 2 tầng, diện tích 1.000 m², thời hạn thuê 10 năm (từ năm 2006 đến hết 2015). Công nghệ: có 2 loại dây chuyền công nghệ.

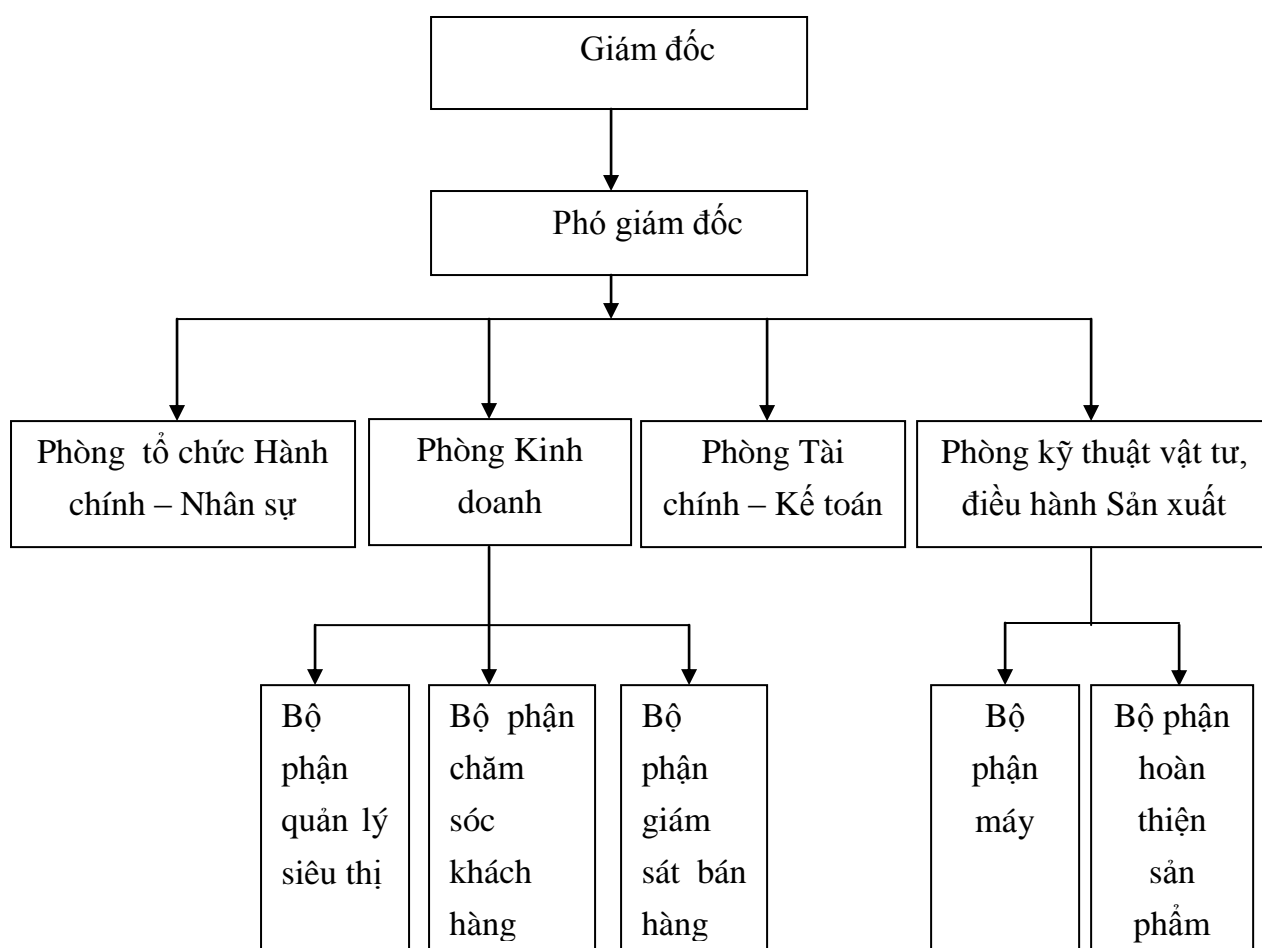
+ Công nghệ bán tự động gồm 3 máy sản xuất que tằm nhựa, 8 máy sản xuất que tằm bông và 6 tủ hấp tiệt trùng với trên 100 công nhân, 3 ca làm việc. Sản lượng bình quân: 15.000 kg que bông/tháng (tương đương với 1.200 thùng sản phẩm các loại). Doanh thu đạt bình quân từ: 1,6 đến 1,8 tỉ đồng/tháng

+ Công nghệ tự động (chính thức sản xuất từ tháng 4/2011). Lao động: 15 công nhân/3 ca. Sản lượng các loại trung bình đạt: 1.000 thùng sản phẩm/tháng. Doanh thu đạt bình quân từ: 1,2 đến 1,4 tỉ đồng/tháng.

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của Công ty

Với đặc điểm ngành nghề kinh doanh Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý theo cơ cấu trực tuyến dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Giám đốc.

Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính nhân sự)

- Ban lãnh đạo của Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh: chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty.

+ **Giám đốc:** có nhiệm vụ quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày, ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty.

+ **Phó giám đốc:** bao gồm 2 phó giám đốc có nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý các phòng ban của Công ty. Chịu sự điều hành trực tiếp của giám đốc trong việc điều hành hoạt động Công ty. Ngoài ra còn phải thực hiện các nhiệm vụ khác và tuân thủ một số nghĩa vụ của người quản lý Công ty theo luật pháp quy định.

- Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh có 4 phòng chức năng:

+ **Phòng tổ chức hành chính - nhân sự:** là nơi quản lý nhân sự, có nhiệm vụ duyệt và quản lý quỹ lương, các chế độ chính sách đối với cán bộ công nhân viên trong công ty. Đảm bảo cho đời sống cán bộ công nhân viên được đầy đủ về tinh thần.

+ **Phòng Tài chính - Kế toán:** tham mưu cho giám đốc về công tác tài chính kế toán phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong công ty. Chịu trách nhiệm trước giám đốc Công ty về công tác tài chính kế toán của Công ty. Tổ chức mạng lưới thống kê ghi chép số liệu, tính giá thành thực tế các loại sản phẩm, thực hiện hạch toán nội bộ, thực hiện thu chi, lập và phân tích các báo cáo về tài chính kế toán, quản lý, lưu trữ và giữ bí mật tài liệu kế toán theo đúng quy định của công ty và Nhà nước. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn các đơn vị trong Công ty và thi hành kịp thời các chế độ về tài chính kế toán của Công ty và Nhà nước.

+ **Phòng kinh doanh:** xây dựng kế hoạch phát triển thị trường tại khu vực được giao sau khi nhận mục tiêu được giao từ phó giám đốc. Ngoài ra, có chức năng tham mưu cho Ban giám đốc quản lý các lĩnh vực: công tác xây dựng kế hoạch, chiến lược, công tác lập dự toán, công tác quản lý hợp đồng kinh tế, công tác thanh quyết toán hợp đồng kinh tế. Điển hình như bán hàng, tổ chức dịch vụ sau bán hàng.

+ **Phòng kỹ thuật vật tư, điều hành sản xuất:** chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc và tham mưu giúp Ban giám đốc về lĩnh vực quản lý, sử dụng phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư trong toàn công ty. Tham mưu công tác xây dựng quy định các phương pháp thử nghiệm và kiểm tra chất lượng của nguyên vật liệu, CCDC, hàng hóa mua về. Tổ chức, lãnh đạo và chỉ đạo sản xuất toàn bộ nhân viên, công nhân xưởng thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ mà Công ty đã giao.

Ngoài ra, trong các phòng còn có các bộ phận thực hiện các nhiệm vụ:

+ **Bộ phận quản lý siêu thị:** có nhiệm vụ theo dõi tình hình quá trình tiêu thụ của từng loại sản phẩm.

+ **Bộ phận chăm sóc khách hàng:** là bộ phận rất quan trọng phòng kinh doanh có chức năng theo dõi khách hàng sau bán hàng và sau dịch vụ để cập nhật mức độ hài lòng của khách hàng, từ đó có kế hoạch phát huy ưu điểm và khắc phục những tồn tại. Giải quyết triệt để các phàn nàn, khiếu nại của khách hàng...

+ **Bộ phận giám sát bán hàng:** có chức năng quản lý nhân viên bán hàng, thực hiện các chính sách và chiến thuật của Công ty trong quan hệ hàng ngày với khách hàng và đối thủ cạnh tranh.

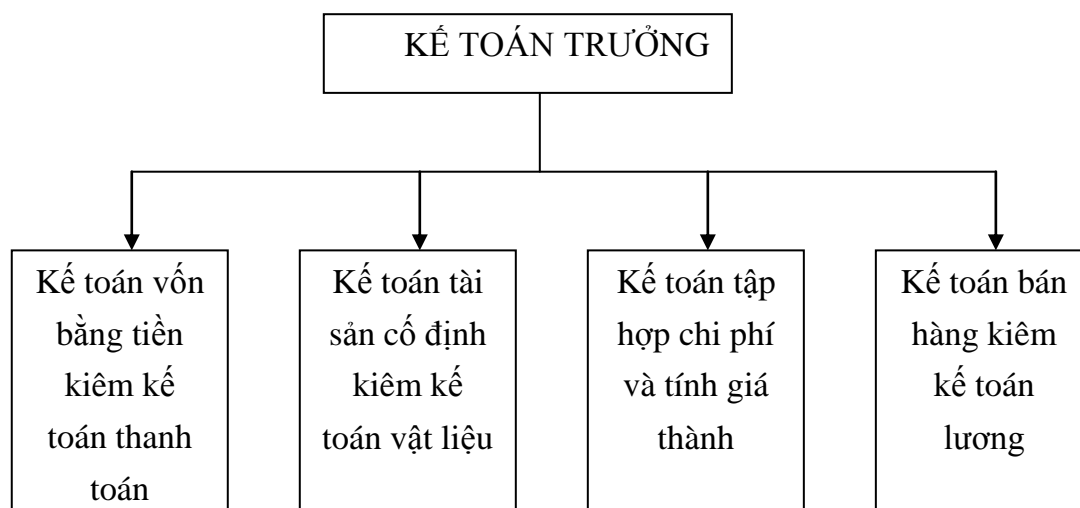
+ **Bộ phận máy:** có chức năng kiểm tra máy móc trước và sau khi tiến hành sản xuất sản phẩm.

+ **Bộ phận hoàn thiện sản phẩm:** có nhiệm vụ hoàn thành các sản phẩm của Công ty rồi cho nhập kho thành phẩm.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm sản xuất của Công ty, bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung nghĩa là toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tại phòng Tài chính - Kế toán. Ở các xưởng không tổ chức bộ máy kế toán riêng, các chứng từ, số liệu được chuyển về phòng kế toán để xử lý và tiến hành công việc hạch toán.

Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán



(Nguồn: Phòng tài chính - kế toán)

- Kế toán trưởng: tổ chức thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, tài chính ở Công ty, thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính ở Công ty.

- Kế toán vốn bằng tiền kiêm kế toán thanh toán: ghi chép, phản ánh số hiện có và tình hình biến động của các khoản vốn bằng tiền, các khoản công nợ.

- Kế toán tài sản cố định kiêm kế toán vật liệu: ghi chép kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết tài sản cố định, CCDC, nguyên vật liệu, tính khấu hao tài sản cố định, phân bổ CCDC, tính trị giá vốn nguyên vật liệu xuất kho...

- Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành: ghi chép kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết chi phí sản xuất trực tiếp phát sinh trong kỳ và tính giá thành sản xuất của sản phẩm.

- Kế toán bán hàng kiêm kế toán lương: ghi chép, phản ánh doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản thuế ở khâu tiêu thụ, tính lương và bảo hiểm xã hội phải trả cho người lao động trong Công ty, tính các khoản trích theo lương phải nộp nhà nước, kinh phí công đoàn.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản và biểu mẫu sổ sách ban hành theo quyết định số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính cùng các văn bản quy định sửa đổi, bổ sung theo chuẩn mực kế toán mới. Công ty tính giá hàng tồn kho theo nguyên tắc giá gốc, xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước, phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép, theo dõi trên sổ Nhật ký chung treo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng tài khoản, sau đó sử dụng số liệu ở sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái tài khoản liên quan. Hiện nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin, công tác kế toán cũng được giảm nhẹ nhờ chương trình phần mềm kế toán. Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh đã đưa phần mềm FAST ACCOUTING vào ứng dụng trong kế toán.

Phần mềm kế toán Công ty sử dụng:

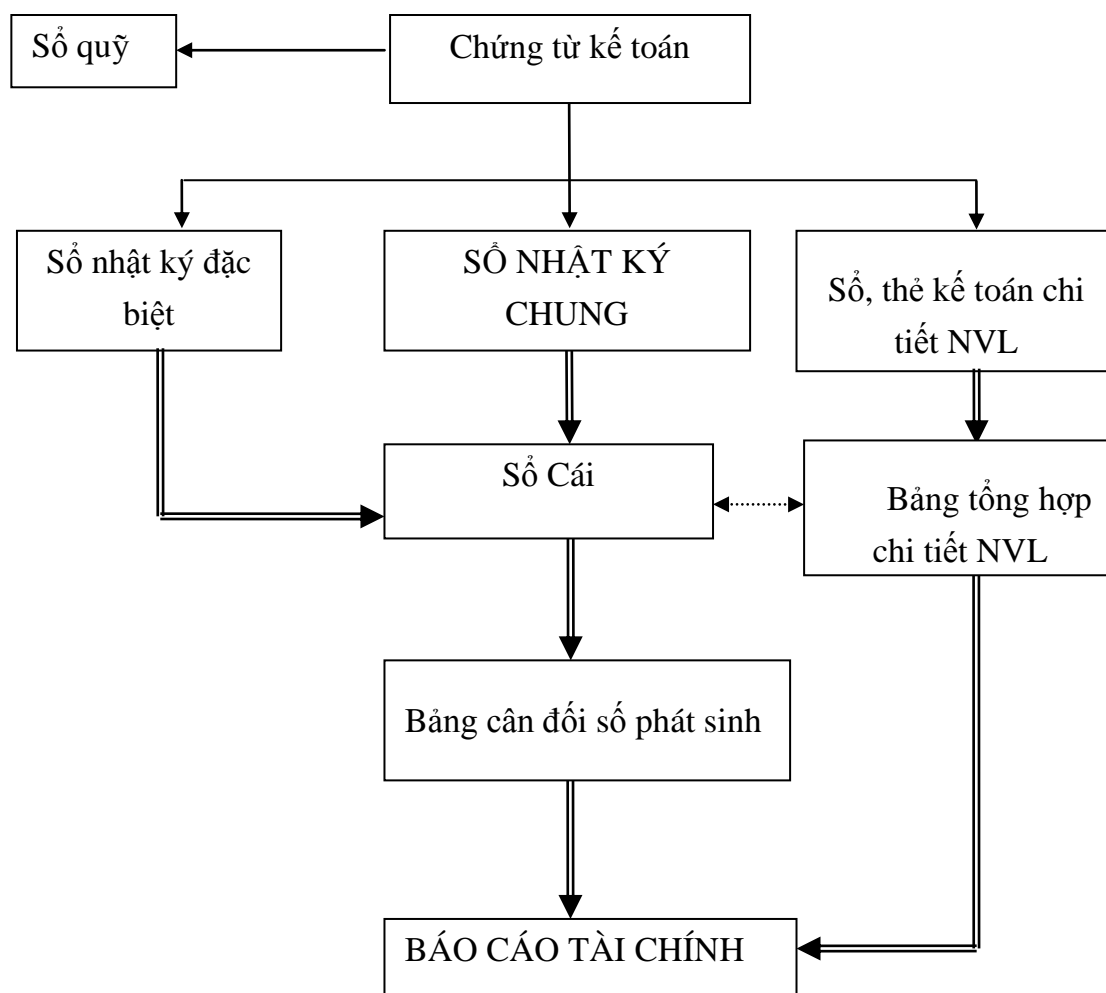
Bảng 2.1: Phần mềm kế toán Fast Accounting



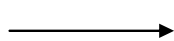
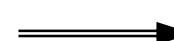

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Trình tự ghi sổ kế toán:

Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty



Ghi chú:

-  Ghi hàng ngày
-  Ghi cuối kỳ
-  Đối chiếu, kiểm tra

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

2.2.1. Đặc điểm về nguyên vật liệu và tổ chức quản lý nguyên vật liệu

Đặc điểm nguyên vật liệu của Công ty:

Sản phẩm của Công ty có tính chất bảo vệ sức khỏe của con người nên nguyên vật liệu có những đặc điểm riêng biệt so với các ngành sản xuất khác. Ngoài ra, Công ty chủ yếu là sản xuất theo đơn đặt hàng nên sản phẩm có hình dáng kích cỡ khác nhau,

do đó nguyên vật liệu của Công ty rất phong phú và đa dạng như: nhựa PP, nhựa PL2, nhựa GPPS, bông CT1-6g/m, bông CT 1,4g/m...

Một sản phẩm hoàn chỉnh của Công ty cần rất nhiều nguyên vật liệu nhưng trong đó que nhựa và bông là những nguyên vật liệu chính. Để đảm bảo cho sức khỏe của người tiêu dùng, Công ty đã lựa chọn sử dụng những nguyên vật liệu có chất lượng tốt nhất. Que tăm thân cứng được làm từ nhựa PP, nhựa PL2, nhựa GPPS... không gây độc hại với môi trường và sức khỏe. Bông làm tăm có khả năng ngăn chặn vi khuẩn xâm nhập ngay cả khi hộp tăm mở ra đóng vào, an toàn khi sử dụng cho người tiêu dùng và cả trẻ sơ sinh. Hơn nữa, đầu bông thiết kế đa dạng với nhiều hình dáng, kích cỡ sẽ làm vừa lòng mọi nhu cầu sử dụng. Và một sản phẩm hoàn chỉnh còn cần các nguyên vật liệu phụ như: keo đầu bông, băng dính, phấn rôm...

Đặc điểm chung về nguyên vật liệu của Công ty là khó bảo quản, dễ bị ẩm mốc gây kém chất lượng, vì vậy Công ty cần phải có những biện pháp bảo quản, dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để tránh hao hụt, thất thoát, giảm chất lượng và đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời cho sản xuất.

Tình hình tổ chức quản lý nguyên vật liệu của Công ty:

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động, một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở cấu thành thực thể sản phẩm. Bên cạnh đó, chi phí về nguyên vật liệu chiếm đến 60% trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Vì vậy Công ty muốn tối đa hóa lợi nhuận thì phải kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình thu mua, dự trữ cũng như sử dụng nguyên vật liệu.

- **Tình hình thu mua:** nguyên vật liệu của Công ty đều là mua ngoài, khi nhận được đơn đặt hàng từ khách hàng, Công ty căn cứ vào mẫu mã, số lượng theo đơn đặt hàng tính toán những nguyên vật liệu cần mua và số lượng mua. Nhưng que tăm và bông tăm là những nguyên liệu không thể thiếu để sản xuất sản phẩm vì vậy Công ty tiến hành mua từ những nhà cung cấp trong nước có uy tín theo đơn đặt hàng, còn túi Zipper, phấn rôm, keo đầu bông, băng dính to, băng dính nhỏ... được công ty tiến hành mua theo tháng. Nguyên vật liệu khi mua về phải qua kiểm tra của nhân viên mua hàng, phòng kỹ thuật vật tư và thành lập Ban kiểm kê, sau khi kiểm tra xong thủ kho mới nhập kho nguyên vật liệu.

- **Tình hình bảo quản, dự trữ:** Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống kho được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cân đo, thiết bị phòng cháy chữa cháy an toàn hiện đại. Hơn nữa, nhân viên thủ kho và bảo vệ có tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn cao. Ngoài ra, công ty luôn dự trữ một khối lượng nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo quá trình sản xuất của Công ty không bị ngừng trệ.

- **Tình hình sử dụng:** Công ty luôn khuyến khích công nhân viên sử dụng nguyên vật liệu hợp lý và tiết kiệm dựa trên định mức tiêu hao về nguyên vật liệu đã xây dựng.

2.2.2. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu

2.2.2.1. Phân loại nguyên vật liệu

Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh là một công ty chuyên về sản xuất nên nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong việc sản xuất ra các sản phẩm. Do vậy Công ty đã chọn cách phân loại nguyên vật liệu dựa vào nội dung kinh tế, vai trò và tác dụng của từng nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất. Cụ thể như sau:

- **Nguyên vật liệu chính:** các loại nhựa và bông. Nhựa PP, nhựa PL2 và nhựa GPPS để sản xuất ra que nhựa, bông CT để làm đầu bông.

- **Vật liệu phụ:** bao gồm băng dính, phần rôm, keo đầu bông, tem, túi,... Trong đó tem dùng để dán lên các sản phẩm hoàn thành, vỏ thùng đóng các sản phẩm hoàn thành để xuất bán, các loại hộp túi Zipper, túi lố dùng để đóng hoàn thành sản phẩm.

- **Nhiên liệu:** gồm các vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất như xăng, dầu, mỡ.

- **Phụ tùng thay thế:** dùng để thay thế, sửa chữa cho phụ tùng, máy móc thiết bị... nhằm đảm bảo sự an toàn, liên tục cho việc vận hành máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất. Bao gồm các loại: vòng bi, ốc vít...

- **Phế liệu:** gồm các thứ bị loại ra trong quá trình sản xuất kinh doanh như: đầu nhựa, vỏ thùng...

Nhờ có sự phân loại này mà mà kế toán nguyên vật liệu có thể theo dõi được tình hình biến động của từng nguyên vật liệu, để từ đó cung cấp những thông tin chính xác và kịp thời cho việc lập kế hoạch thu mua, dự trữ các loại nguyên vật liệu hợp lý.

2.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu

Tại Công ty, các nghiệp vụ nhập, xuất nguyên vật liệu được diễn ra thường xuyên, mỗi lần nhập giá cả lại có sự thay đổi, việc xác định đúng giá trị nguyên vật liệu xuất dùng là rất cần thiết. Hiện nay Công ty đang sử dụng giá thực tế để phản ánh tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu.

Trong phạm vi bài viết, em chọn hai loại nguyên vật liệu là **nhựa PP** và **băng dính to** để làm ví dụ minh họa. Đây là loại nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ được sử dụng nhiều tại Công ty và có tần suất nhập – xuất lớn. Cụ thể như sau:

Tính giá nguyên vật liệu nhập kho:

Ở Công ty, nguồn nhập nguyên vật liệu chủ yếu là mua ở trong nước. Nguyên vật liệu nhập kho được phản ánh theo giá thực tế gồm giá mua và chi phí thu mua. Do nguyên vật liệu mua về được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm chịu thuế GTGT, Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên giá mua là giá chưa có thuế GTGT. Theo công thức:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Trị giá} & & & & \\ \text{thực tế} & = & \text{Giá mua} & - & \text{Các khoản} \\ \text{của NVL} & & \text{ghi trên} & & \text{giảm giá} & + & \text{Chi phí trực} \\ \text{nhập kho} & & \text{hóa đơn} & & \text{và CKTM} & & \text{tiếp phát} \\ & & & & \text{(nếu có)} & & \text{sinh trong} \\ & & & & & & \text{khâu mua} \end{array}$$

Trong đó, chi phí trực tiếp phát sinh trong khâu mua bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, hao hụt trong định mức...

Ví dụ: Ngày 11/07/2012, anh San mua của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Việt Quang 6.000 kg Nhựa PP với đơn giá chưa thuế GTGT là 35.000đồng/kg và 1.000 kg Nhựa GPPS với đơn giá chưa thuế GTGT là 38.000đồng/kg. Thuế GTGT 10% (theo hóa đơn GTGT số 0001378 của Công ty TNHH SX và Thương mại Việt Quang). Chi phí vận chuyển, bốc dỡ do bên bán chịu, tiền hàng đã thanh toán bằng tiền mặt cho nhà cung cấp. Công ty tính giá của lô nguyên vật liệu nhập kho:

$$\begin{aligned} \text{Giá thực tế} &= \text{Giá mua (không có thuế GTGT)} \\ &= \text{Số lượng} \times \text{đơn giá} \\ &= 6.000 \times 35.000 + 1.000 \times 38.000 \\ &= 248.000.000 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Tính giá nguyên vật liệu xuất kho:

Công ty chủ yếu xuất kho dùng cho sản xuất, do đặc điểm của nguyên vật liệu đa dạng và phong phú Công ty đã lựa chọn phương pháp Nhập trước - Xuất trước để tính giá trị nguyên vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này, dựa trên cơ sở giả định nguyên vật liệu nào nhập trước sẽ được xuất dùng trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo đơn giá của từng lô nguyên vật liệu.

Ví dụ: Các nghiệp vụ nhập xuất nhựa PP trong tháng 7:

Bảng 2.2: Các nghiệp vụ nhập xuất nhựa PP trong tháng 7

Ngày tháng	Chứng từ	Nội dung	Số lượng (kg)	Đơn giá (đồng/kg)
1/7		Tồn kho	4.425	34.498,34
2/7	PX 161	Xuất phục vụ SX	900	34.498,34
10/7	PX 165	Xuất phục vụ SX	1.575	34.498,34
11/7	PN 158	Nhập mua	6.000	35.000
17/7	PX170	Xuất phục vụ SX	1.950	34.498,34
			150	35.000
20/7	PN 186	Nhập mua	1.000	35.200
22/7	PX 174	Xuất phục vụ SX	1.525	35.000
30/7	PX 180	Xuất phục vụ SX	1.525	35.000

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Từ ví dụ trên, giá thực tế xuất kho của Nhựa PP theo phương pháp Nhập trước - Xuất trước được tính:

Ngày 2/7, giá thực tế xuất kho của 900 kg nhựa PP là:

$$900 \times 34.498,34 = 31.048.506 \text{ đồng}$$

Ngày 10/7, giá thực tế xuất kho của 1.575 kg nhựa PP là:

$$1.575 \times 34.498,34 = 54.334.885,5 \text{ đồng}$$

Ngày 17/7, giá thực tế xuất kho của 2.100 kg nhựa PP là:

$$1.950 \times 34.498,34 + 150 \times 35.000 = 72.521.763 \text{ đồng}$$

Ngày 22/7, giá thực tế xuất kho của 1.525 kg nhựa PP là:

$$1.525 \times 35.000 = 53.375.000 \text{ đồng}$$

Ngày 30/7, giá thực tế xuất kho của 1.525 kg nhựa PP là:

$$1.525 \times 35.000 = 53.375.000 \text{ đồng}$$

2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty

Một trong những yêu cầu của công tác quản lý nguyên vật liệu là phải theo dõi chặt chẽ tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại nguyên vật liệu cả về mặt hiện vật và giá trị. Để đáp ứng yêu cầu này, Công ty đã tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Phương pháp này phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nó cung cấp cho kế toán những số liệu về tình

hình nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu một cách chính xác và kịp thời. Và để thực hiện tốt toàn bộ công tác kế toán nguyên vật liệu cũng như công tác hạch toán chi tiết thì trước tiên phải căn cứ vào các chứng từ kế toán để phản ánh tất cả các nghiệp vụ liên quan nhập - xuất nguyên vật liệu.

2.2.3.1. Chứng từ thủ tục nhập – xuất kho nguyên vật liệu

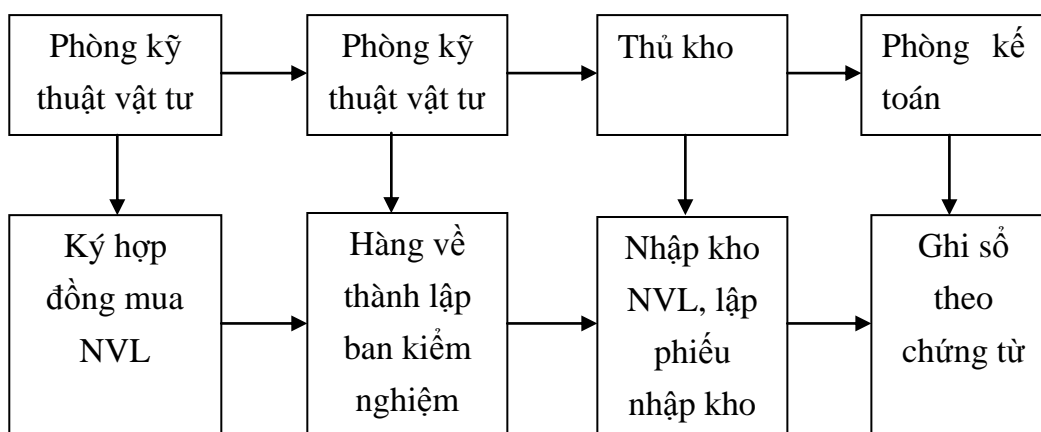
Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Đối với nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho, Công ty sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT).
- Phiếu nhập kho (mẫu 01- VT)
- Hợp đồng mua nguyên vật liệu
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư (mẫu số 05-VT)

Quy trình nhập kho nguyên vật liệu:

Sơ đồ 2.4 Quy trình nhập kho nguyên vật liệu



(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Căn cứ vào kế hoạch đã được phê duyệt, phòng vật tư tiến hành thu mua nguyên vật liệu trực tiếp hoặc ký hợp đồng với nhà cung cấp. Sau khi nguyên vật liệu về đến Công ty, nhân viên cung ứng phải báo cho phòng kỹ thuật thành lập ban kiểm nghiệm để kiểm tra số lượng, chất lượng của nguyên vật liệu. Căn cứ vào hóa đơn GTGT và kết quả của ban kiểm nghiệm, nếu nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn thì phòng vật tư cho phép nhập kho và tiến hành lập phiếu nhập kho, nếu không sẽ thông báo cho người bán để xử lý. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: do bộ phận lập phiếu giữ.
- + Liên 2: thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán.
- + Liên 3: kèm theo hóa đơn để thanh toán.

Đối với phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất kinh doanh: những phế liệu như nhựa thừa, vỏ thùng hỏng... được nhập kho chờ thanh lý nhưng không có phiếu nhập kho, khi phế liệu được bán kế toán ghi nhận số tiền vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Bảng 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số: 01 GTKT-3LL Ký hiệu: VQ/2012	
Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 11 tháng 07 năm 2012				Số: 0001378	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH SX và TM Việt Quang					
Mã số thuế: 0101429500					
Địa chỉ: 306 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội					
Số tài khoản:					
Số điện thoại: 04.36460193			Mã số:		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh					
Mã số thuế: 0101509347					
Địa chỉ: Số 12 - Cụm 1 - Khu Trung - Xuân Đình - Từ Liêm - Hà Nội					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			Mã số:		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1x2
1	Nhựa PP	kg	6.000	35.000	210.000.000
2	Nhựa GPPS	kg	1.000	38.000	38.000.000
Cộng tiền hàng					248.000.000
Thuế GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT
					24.800.000
Tổng cộng thanh toán					272.800.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bảy mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng chẵn.					

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Bảng 2.4: Biên bản kiểm nghiệm

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

Mẫu số 05 – VT

Địa chỉ: Số 12 - Cụm 1 - Khu Trung - Xuân Đình -

QĐ số 15-TC/QĐ/CĐKT

Từ Liêm - Hà Nội

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

(Vật tư, sản phẩm, hàng hóa)

Ngày 11 tháng 07 năm 2012

Số: 165

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0001378 ngày 11 tháng 7 năm 2012 của Công ty TNHH SX và TM Việt Quang.

- Ban Kiểm nghiệm gồm:

Ông: Nguyễn Ngọc San

Trưởng ban

Ông: Phạm Văn Thắng

Ủy viên

Bà: Đoàn Thị Thu Thủy

Ủy viên

- Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư sản phẩm hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
01	Nhựa PP		Cân	kg	6.000	6.000	0	
02	Nhựa GPPS		Cân	kg	1.000	1.000	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Tất cả Nguyên vật liệu đều đúng quy cách, phẩm chất đủ điều kiện nhập kho.

Đại diện phòng kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Bảng 2.5: Phiếu nhập kho

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

Mẫu số 01 – VT

Địa chỉ: Số 12 - Cụm 1 - Khu Trung - Xuân Đình -

QĐ số 15-TC/QĐ/CĐKT

Từ Liêm - Hà Nội

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU NHẬP KHO

Quyển số:01

Ngày 11/07/2012

Số: 158

Nợ TK 152

Có TK 111

Họ tên người giao: Công ty TNHH SX và TM Việt Quang

Theo Hóa đơn GTGT số 0001378 ngày 11 tháng 07 năm 2012

Kho nhập hàng: Kho nguyên vật liệu.

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (SP, HH)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn Giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Nhựa PP		kg	6.000	6.000	35.000	210.000.000
02	Nhựa GPPS		kg	1.000	1.000	38.000	38.000.000
	Cộng						248.000.000

Viết bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu chẵn.

Ngày 11 tháng 07 năm 2012

Người lập phiếu
(Đã ký)Người giao hàng
(Đã ký)Thủ kho
(Đã ký)Kế toán trưởng
(Đã ký)*(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)*

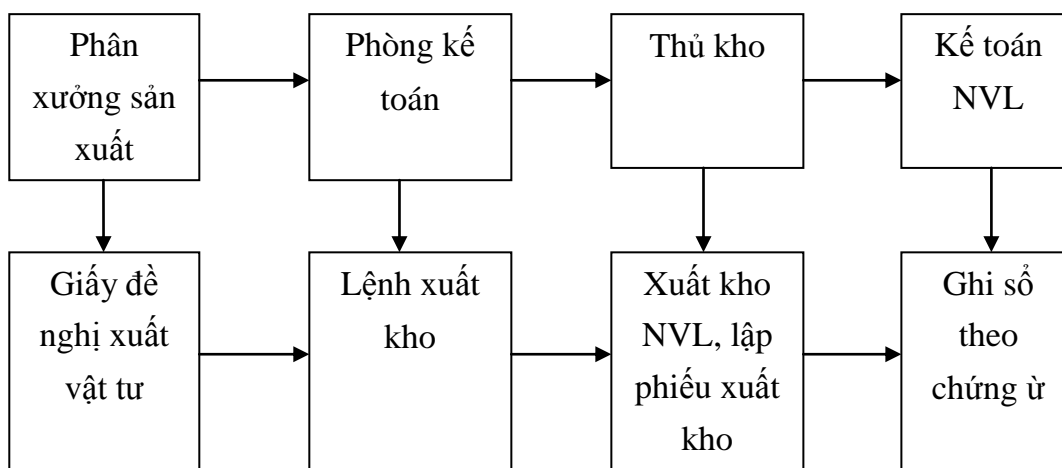
Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu của công ty chủ yếu xuất cho sản xuất, Công ty sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Giấy đề nghị xuất vật tư
- Phiếu xuất kho vật tư (mẫu 02 - VT)

Quy trình xuất kho nguyên vật liệu:

Sơ đồ 2.5 Quy trình xuất kho nguyên vật liệu



(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Phiếu xuất kho được lập khi có lệnh xuất kho, căn cứ vào đó thủ kho tiến hành xuất kho và ghi số lượng thực xuất vào phiếu, rồi cùng người ký vào các liên của phiếu xuất.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu ở bộ phận lập phiếu.
- + Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển lên phòng kế toán.
- + Liên 3: Lưu cùng lệnh xuất kho.

Bảng 2.6: Giấy đề nghị xuất vật tư

CÔNG TY TNHH SX VÀ XNK HOÀNG ANH

*Xưởng sản xuất Đông Anh***GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ**

Bộ phận: Máy tắm nhựa

Xuất phục vụ SX ngày 17 tháng 07 năm 2012

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng yêu cầu	Mục đích sử dụng
Máy NL				
1	Bông CT	Kg	773,50	
2	Nhựa PP	Kg	2.100	
3	Mặt sàng	Cái	2	
Vật tư khác				
1	Keo đầu bông	Kg	80	

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2012

Kế toán
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Người đề nghị
(Ký, họ tên)

*(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)***Bảng 2.7 : Lệnh xuất kho****LỆNH XUẤT KHO**

Xuất cho sản xuất

Ngày 17 tháng 7 năm 2012

Xuất tại kho: Xưởng Đông Anh - Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Bông CT	Kg	773,50		Xuất cho sản xuất
Nhựa PP	Kg	2.100		
Mặt sàng	Cái	2		
Keo đầu bông	Kg	80		

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2012

Kế toán vật tư
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

Bảng 2.8: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh
 Địa chỉ: Số 12 - Cụm 1 - Khu Trung - Xuân Đình -
 Từ Liêm - Hà Nội

Mẫu số 02 – VT
 QĐ số 15-TC/QĐ/CĐKT
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 17/07/2012

Quyển số:01

Số: 170

Nợ TK621

Có TK152

Họ tên người nhận hàng: Phan Văn Ngọc

Lý do xuất kho: xuất cho sản xuất sản phẩm

Xuất tại kho: Kho nguyên vật liệu.

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (SP, HH)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn Giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Nhựa PP		kg	2.100	2.100	34.534,17	72.521.763
	Cộng						72.521.763

Viết bằng chữ: bảy mươi hai triệu năm trăm hai mươi một ngàn bảy trăm sáu mươi ba đồng chẵn.

Ngày 17 tháng 07 năm 2012

Người lập phiếu
(Đã ký)

Người giao hàng
(Đã ký)

Thủ kho
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán)

2.2.3.2. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh, qua việc tìm hiểu thực tế tại Công ty thì việc quản lý tình hình nhập - xuất - tồn kho nguyên vật liệu được thực hiện ở kho và phòng kế toán. Việc hạch toán của thủ kho và kế toán nguyên vật liệu được thực hiện độc lập.

Hiện nay Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh đang áp dụng phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Nội dung kế toán chi tiết áp dụng tại Công ty như sau:

- **Ở kho:** thủ kho mở Thẻ kho cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu như nhựa PP, nhựa GPPS, bông CT,... để ghi chép nghiệp vụ, phản ánh số hiện có và tình hình biến động của nguyên vật liệu trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất.

Hàng ngày, khi lập các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu, thủ kho phải căn cứ vào tính hợp pháp của từng chứng từ, sau đó phân loại sắp xếp theo từng thứ, loại vật tư để ghi vào Thẻ kho (Bảng 2.9 – trang 46) theo số lượng. Cuối ngày, thủ kho tính ra số lượng tồn kho và ghi vào cột tồn trên Thẻ kho. Định kỳ, thủ kho chuyển các chứng từ nhập, xuất đã được phân loại cho kế toán nguyên vật liệu. Đến cuối tháng, thủ kho tính số tồn về số lượng của từng thứ vật liệu trên các Thẻ kho và đối chiếu với Sổ chi tiết nguyên vật liệu do kế toán lập.

- **Ở phòng kế toán:** Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho gửi lên, kế toán nguyên vật liệu tiến hành kiểm tra, đối chiếu, xác định giá và nhập số liệu vào máy tính. Sau khi nhập xong số liệu, máy tính tự tổng hợp số liệu đưa vào bảng kê phiếu nhập, xuất để quản lý số lượng và giá trị vật tư đối với từng nguyên vật liệu. Đến cuối tháng, căn cứ vào thông tin kế toán nhập, chương trình kế toán máy sẽ xử lý và kết xuất ra toàn bộ bảng biểu Sổ chi tiết nguyên vật liệu (Bảng 2.10 – trang 47), Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn kho (Bảng 2.11 – trang 48).

Bảng 2.9: Thẻ kho

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh
 Địa chỉ: Số 12 - Cụm 1 - Khu Trung - Xuân Đình -
 Từ Liêm - Hà Nội

Mẫu số 06 – VT
 QĐ số 15-TC/QĐ/CĐKT
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: Ngày 01 tháng 07 năm 2012

Tờ số: 07

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: **Nhựa PP**

Đơn vị tính: Kg

Mã số: 10_001

Số thứ tự	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	1	2	3	F	
			Tồn đầu tháng 07				4.425	
1	PX 161	02/07	Phục vụ sản xuất	02/07		900	3.525	
2	PX 165	10/07	Phục vụ sản xuất	10/07		1.575	1.950	
3	PN 158	11/07	Mua NVL	11/07	6.000		7.950	
4	PX 170	17/07	Phục vụ sản xuất	17/07		2.100	5.850	
5	PN 186	20/07	Mua NVL	20/07	1.000		6.850	
6	PX 174	22/07	Phục vụ sản xuất	22/07		1.525	5.325	
7	PX 180	30/07	Phục vụ sản xuất	30/07		1.525	3.800	
			Cộng phát sinh		7.000	7.625		
			Tồn cuối kỳ				3.800	

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng 2.10: Sổ chi tiết nguyên vật liệu

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU**Tháng 07 năm 2012**

Tài khoản: 152 – Chi tiết TK 1521

Tên vật liệu: **Nhựa PP**

Mã số:10_001

Đơn vị tính: Kg

(Đơn vị tính: đồng)

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	
		Tồn đầu tháng		34.498,34					4.425	152.655.154,5	
PX 161	2/7	Xuất phục vụ sản xuất	621	34.498,34			900	31.048.506	3.525	121.606.648,5	
PX 165	10/7	Xuất phục vụ sản xuất	621	34.498,34			1.575	54.334.885,5	1.950	67.271.763	
PN 158	11/7	Mua NVL	111	35.000	6.000	210.000.000			7.950	277.271.763	
PX 170	17/7	Xuất phục vụ sản xuất	621	34.498,34			1.950	67.271.763	6.000	210.000.000	
				35.000			150	5.250.000	5.850	204.750.000	
PN 186	20/7	Mua NVL	331	35.200	1.000	35.200.000			6.850	239.950.000	
PX 174	22/7	Xuất phục vụ sản xuất	621	35.000			1.525	53.375.000	5.325	186.575.000	
PX 180	30/7	Xuất phục vụ sản xuất	621	35.000			1.525	53.375.000	3.800	133.200.000	
		Cộng phát sinh			7.000	245.200.000	7.625	264.655.154,5			
		Tồn cuối tháng							3.800	133.200.000	

Ngày 31 tháng 7 năm 2012

Kế toán chi tiết

47

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng 2.11: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Kho: DAVT – Kho vật tư Đông Anh

Tháng 7 năm 2012

STT	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
	...					
38	Nhựa GPPS	Kg	1.352,2	5.158,84	5.515,04	996
39	Nhựa PL2	Kg	75,4	585,07	104,15	556,32
40	Nhựa PP	Kg	4.425	7.000	7.625	3.800
41	Bông CT1-6g/m	Kg	2.439,2	1.506,85	2.796,05	1.150
42	Bông CT 1,4g/m	Kg	1.491	2.469	2.350	1.610
43	Băng dính to	Cuộn	68	280	273	75
	...					

Ngày 31 tháng 7 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn theo quy định theo dõi cả số lượng và giá trị, tuy nhiên bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn của Công ty chỉ theo dõi số lượng mà không theo dõi giá trị nên không đối chiếu được với sổ Cái TK 152. Điều này sẽ được kiến nghị ở chương 3.

2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

Do đặc điểm vật liệu, hiện nay Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để theo dõi kế toán tổng hợp nhập, xuất nguyên vật liệu. Theo phương pháp này, nguyên vật liệu nhập, xuất kho tại Công ty được ghi chép, phản ánh thường xuyên, liên tục trên các tài khoản căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất. Vì vậy, trị giá nguyên vật liệu tồn kho trên sổ sách kế toán có thể xác định tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Công ty thực hiện kế toán tổng hợp theo hình thức Nhật ký chung.

2.2.4.1. Tài khoản sử dụng và hệ thống sổ kế toán

Đối với phần hành kế toán nguyên vật liệu, hiện nay Công ty sử dụng các tài khoản sau:

- TK 152 - Nguyên vật liệu: dùng để theo dõi thường xuyên tình hình biến động của nguyên vật liệu trong tháng. TK 152 còn mở chi tiết thành các TK cấp 2 cho từng loại nguyên vật liệu.

TK 1521 - Nguyên vật liệu chính

TK 1522 - Nguyên vật liệu phụ

- TK 151 - Hàng mua đang đi đường: dùng để theo dõi số hiện có và tình hình biến động của số hàng mua thuộc quyền sở hữu của Công ty nhưng cuối tháng chưa về nhập kho hoặc chuyển cho các đối tượng sử dụng.

- TK 331 - Phải trả người bán: Sử dụng để theo dõi các khoản phải trả cho người bán trong quá trình mua nguyên vật liệu.

- TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

- TK 111 - Tiền mặt: sử dụng để theo dõi thanh toán trong quá trình thanh toán nguyên vật liệu.

- Ngoài ra kế toán nguyên vật liệu ở công ty còn sử dụng một số tài khoản khác như: TK 112, 141, 621, 627, 641, 642...

Hiện nay, Công ty sử dụng hệ thống sổ kế toán: Sổ nhật ký chung, Sổ Cái, các Sổ - Thẻ kế toán chi tiết, Báo cáo nhập – xuất – tồn, Báo cáo chênh lệch kiểm kê, đánh giá lại.

2.2.4.2. Phương pháp kế toán

Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu

Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh thường gắn liền với kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, kế toán thanh toán với

người bán... Tùy theo từng nguồn nhập và hình thức thanh toán mà việc tổng hợp nhập nguyên vật liệu được thực hiện theo các cách khác nhau.

Trường hợp nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho đã thanh toán ngay cho người bán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng

Đối với các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt và tiền gửi cần phải có các chứng từ hợp pháp, hợp lệ. Khi các nghiệp vụ nhập mua nguyên liệu thanh toán ngay cho người bán bằng tiền mặt phát sinh, kế toán căn cứ vào Báo cáo quỹ kèm theo các chứng từ như Phiếu chi, Hóa đơn GTGT, Phiếu nhập kho... để nhập số liệu vào máy. Đến cuối tháng, căn cứ vào thông tin kế toán nhập, chương trình kế toán máy sẽ xử lý và kết xuất ra sổ Nhật ký chung, sổ Cái.

Ví dụ: Theo ví dụ trên và căn cứ vào Hóa đơn VQ/2012, 0001378 ngày 11/07, Phiếu chi tiền mặt số 119 (Bảng 2.12 – trang 53), Phiếu nhập kho số 158 về việc mua số nhựa PP của Công ty TNHH SX và TM Việt Quang, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 1521	248.000.000
Nợ TK 133	24.800.000
Có TK 111	272.800.000

Trường hợp nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho chưa thanh toán cho người bán

Đối với trường hợp này, khi nhận được chứng từ như Hóa đơn GTGT của người bán, Biên bản kiểm nghiệm, Phiếu nhập kho và sau khi kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các chứng từ, kế toán thanh toán thực hiện việc nhập số liệu vào máy. Kế toán thanh toán sử dụng Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Bảng 2.15 – trang 56) để theo dõi tình hình thanh toán.

Sổ chi tiết thanh toán với người bán dùng để theo dõi các khoản công nợ phải trả cho từng người bán cũng như tình hình thanh toán nợ với từng người. Với những nhà cung cấp thường xuyên thì mỗi người bán được Công ty theo dõi riêng, còn với những nhà cung cấp không thường xuyên thì được theo dõi chung.

Cơ sở để ghi Sổ chi tiết thanh toán với người bán là Hóa đơn mua hàng, các chứng từ thanh toán như Phiếu chi, Giấy báo nợ ngân hàng... Các khoản phải trả cho người bán được phản ánh bên Có, còn các khoản thanh toán hoặc ứng trước tiền cho người bán được phản ánh bên Nợ. Cuối tháng, căn cứ vào thông tin kế toán nhập, chương trình kế toán máy sẽ xử lý tính ra số phát sinh và số dư cuối kỳ phải trả cho từng người bán, lập Bảng tổng hợp phải trả người bán.

Ví dụ: Căn cứ vào Hóa đơn VQ/2012, 0001899 ngày 20/07, Phiếu nhập kho số 186 về việc mua số Nhựa PP của Công ty TNHH SX và TM Việt Quang, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 1521	35.200.000
Nợ TK 133	3.520.000
Có TK 331	38.720.000

Trường hợp hàng mua đang đi đường

Đối với nghiệp vụ phát sinh liên quan tới hàng mua đang đi đường là do Công ty đã chấp nhận mua hàng nhưng đến cuối kỳ hàng vẫn chưa về được đến kho và kế toán căn cứ vào Hóa đơn mua hàng tiến hành ghi sổ.

Ví dụ: Công ty tiến hành mua một 200 cuộn băng dính to của công ty Cổ phần Diệu Thương, nhưng ngày 31/7 hàng vẫn chưa về được đến kho. Kế toán căn cứ vào Hóa đơn DT/2012, 0000969 ngày 31/7 về việc mua hàng của công ty Cổ phần Diệu Thương ghi:

Nợ TK 151	1.200.000
Nợ TK 133	120.000
Có TK 331	1.320.000

Trường hợp nhập kho phế liệu thu hồi

Do Công ty sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng mỗi sản phẩm có một kích thước, đặc điểm khác nhau vì vậy nguyên vật liệu cho từng đơn đặt hàng cũng khác nhau. Trong quá trình sản xuất có những nguyên vật liệu bị loại bỏ do không đáp ứng được cho sản xuất và trong quá trình hoàn thiện sản phẩm có những nguyên vật liệu phụ bị hỏng không dùng được như đầu nhựa thừa, hộp nhựa bị hỏng, vỏ thùng...

Những phế liệu trên được thu hồi từ quá trình sản xuất được nhập kho chờ thanh lý nhưng kế toán không lập phiếu nhập kho cũng như không ghi sổ. Khi bán phế liệu, kế toán ghi nhận số tiền thu được vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Ví dụ: Ngày 20 tháng 7 năm 2012, công ty tiến hành bán phế liệu căn cứ vào Phiếu thu 109 kế toán ghi:

Nợ TK 111	1.408.000
Có TK 511	1.280.000
Có TK 3331	128.000

Việc ghi sổ đối với phế liệu thu hồi như vậy là không đúng và sẽ được kiến nghị ở chương 3.

Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu

Quá trình hạch toán nguyên vật liệu xuất kho của Công ty diễn ra thường xuyên liên tục vì Công ty áp dụng phương pháp Nhập trước – Xuất trước để tính giá xuất kho. Theo phương pháp này, thì kế toán có thể xác định được ngay giá trị nguyên vật liệu xuất kho mỗi khi tiến hành xuất kho nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu của Công ty xuất kho chủ yếu phục vụ sản xuất của các phân xưởng. Ngoài ra, nguyên vật liệu còn được xuất để phục vụ bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp như băng dính to, băng dính nhỏ, phần rôm... Khi một nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu phát sinh căn cứ vào phiếu xuất kho do thủ kho chuyển lên, kế toán vật tư tiến hành kiểm tra, đối chiếu tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ rồi nhập dữ liệu vào máy. Cuối tháng, máy tính sẽ tự động cộng số liệu, tính giá xuất kho và kết xuất ra Sổ chi tiết nguyên vật liệu, sổ Nhật ký chung và sổ Cái.

Trường hợp xuất nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm:

Đối với các nghiệp vụ liên quan tới xuất nguyên vật liệu cho sản xuất, kế toán căn cứ vào chứng từ như Giấy đề nghị xuất vật tư, Phiếu xuất kho để tiến hành định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung.

Ví dụ: Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 170 ngày 17/7/2012 về việc xuất Nhựa PP để tiến hành sản xuất sản phẩm với giá đơn vị xuất kho là 34.498,34 đ/kg đối với 1.950 kg và 35.000 đ/kg đối với 150 kg, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 621	72.521.763
Có TK 1521	72.521.763

Trường hợp xuất nguyên vật liệu phục vụ chung cho phân xưởng, phục vụ bán hàng và quản lý:

Các nguyên vật liệu dùng chung cho phân xưởng, phục vụ bán hàng và quản lý doanh nghiệp, khi các bộ phận có nhu cầu sử dụng thì viết Giấy đề nghị xuất vật tư để Giám đốc ký duyệt, sau đó phòng kế toán sẽ viết Lệnh xuất kho. Căn cứ vào đó thủ kho tiến hành lập phiếu xuất kho và xuất kho nguyên vật liệu.

Ví dụ:

+ Đối với nguyên vật liệu dùng chung cho phân xưởng: Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 162 ngày 3/7/2012 về việc xuất kho vật liệu phụ: băng dính to dùng cho phân xưởng, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 627	3.600.000
Có TK 1522	3.600.000

+ Đối với nguyên vật liệu dùng cho bán hàng: Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 166 ngày 10/7/2012 về việc xuất kho 15 cuộn băng dính to kế toán ghi:

Nợ TK 641 900.000
 Có TK 152 900.000

+ Đối với nguyên vật liệu dùng cho quản lý: Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 167 ngày 10/7/2012 về việc xuất kho 5 cuộn băng dính to kế toán ghi:

Nợ TK 642 300.000
 Có TK 152 300.000

Bảng 2.12: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

Mẫu số 02 – TT

Địa chỉ: Số 12 - Cụm 1 - Khu Trung - Xuân Đình -
Từ Liêm - Hà Nội

QĐ số 15-TC/QĐ/CĐKT

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Quyển số:01

Ngày 11 tháng 7 năm 2012

Số :119

Nợ: TK152,133

Có: TK111

Họ tên người nhận tiền: Công ty TNHH SX và TM Việt Quang

Địa chỉ: Công ty TNHH SX và TM Việt Quang

Lý do chi tiền: Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu chính

Số tiền: 272.800.000 đồng (viết bằng chữ) hai trăm bảy mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) hai trăm bảy mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng chẵn.

Ngày 11 tháng 7 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng 2.13: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

Mẫu số 01 – TT

Địa chỉ: Số 12 - Cụm 1 - Khu Trung - Xuân Đình -
Từ Liêm - Hà Nội

QĐ số 15-TC/QĐ/CĐKT

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Quyển số:01

Ngày 20 tháng 7 năm 2012

Số :109

Nợ: TK111

Có: TK511,3331

Họ tên người nộp tiền: Đỗ Thùy Linh

Địa chỉ: Phòng Tài chính – Kế toán

Lý do thu tiền: Thu tiền bán phế liệu

Số tiền: 1.408.000 đồng (viết bằng chữ) một triệu bốn trăm linh tám ngàn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) một triệu bốn trăm linh tám ngàn đồng chẵn.

Ngày 20 tháng 7 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng 2.14: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh
 Địa chỉ: Số 12 - Cụm 1 - Khu Trung - Xuân Đình -
 Từ Liêm - Hà Nội

Mẫu số 02 – VT
 QĐ số 15-TC/QĐ/CĐKT
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 3/07/2012

Quyển số:01

Số: 162

Nợ TK627

Có TK152

Họ tên người nhận hàng: Phan Văn Ngọc

Lý do xuất kho: xuất cho phân xưởng

Xuất tại kho: Kho nguyên vật liệu.

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (SP, HH)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn Giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Băng dính to		Cuộn	60	60	60.000	3.600.000
	Cộng						3.600.000

Viết bằng chữ: ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 3 tháng 07 năm 2012

Người lập phiếu
(Đã ký)

Người giao hàng
(Đã ký)

Thủ kho
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng 2.15: Sổ chi tiết thanh toán với người bán

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 3311

Đối tượng: Công ty TNHH SX và TM Việt Quang

Loại tiền: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
			Số dư đầu kỳ						50.000.000
5/7	PC 121	5/7	Thanh toán công nợ	111		30.000.000			20.000.000
10/7	PC 126	10/7	Thanh toán công nợ	111		10.000.000			10.000.000
20/7	0001899	20/7	Mua NVL chính	152			38.720.000		48.720.000
22/7	PC 130	22/7	Thanh toán công nợ	111		30.000.000			18.720.000
			Cộng số phát sinh			70.000.000	38.720.000		
			Số dư cuối kỳ						18.720.000

Ngày 31 tháng 7 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

Bảng 2.16: Sổ chi tiết nguyên vật liệu

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU**Tháng 07 năm 2012**

Tài khoản: 152 – Chi tiết TK 1522

Tên vật liệu: **Băng dính to**

Mã số: 27_029

Đơn vị tính: cuộn

(Đơn vị tính: đồng)

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	
		Tồn đầu tháng		60.000					68	4.080.000	
PX 162	3/7	Xuất dùng cho PX	627					60	3.600.000	8	480.000
PN 140	5/7	Nhập mua	111	60.000	280	16.800.000				288	17.280.000
PX 166	10/7	Xuất phục vụ bán hàng	641	60.000				15	900.000	273	16.380.000
PX 166	10/7	Xuất phục vụ quản lý	642	60.000				5	300.000	268	16.080.000
PX 178	26/7	Xuất dùng cho PX	627	60.000				193	11.580.000	75	4.500.000
		Cộng phát sinh			280	16.800.000		273	16.380.000		
		Tồn cuối tháng								75	4.500.000

Ngày 31 tháng 7 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

2.2.5. Công tác kiểm kê và lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tại Công ty

2.2.5.1. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty

Kiểm kê là một trong những biện pháp để quản lý nguyên vật liệu và tài sản. Thông qua kiểm kê, Công ty biết được hiện trạng của nguyên vật liệu về cả số lượng và chất lượng nhằm ngăn ngừa và phát hiện những hiện tượng tham ô, lãng phí và có biện pháp quản lý tốt hơn đảm bảo an toàn nguyên vật liệu và tài sản của Công ty.

Biết được tầm quan trọng của kiểm kê, định kỳ hàng tháng Công ty tiến hành kiểm kê kho để phát hiện và xử lý kịp thời sự chênh lệch giữa số tồn thực tế và số tồn trên sổ sách. Nguyên vật liệu của Công ty có nhiều loại vì vậy khi tiến hành kiểm kê Công ty chỉ kiểm kê đối với một số loại vật tư.

Trước khi kiểm kê Công ty thành lập Ban kiểm kê với đầy đủ các thành phần theo quy định như nhân viên phòng điều hành sản xuất, thủ kho và kế toán. Khi tiến hành kiểm kê Ban kiểm kê phải cân, đong, đo, đếm cụ thể với từng nguyên vật liệu bằng các dụng cụ và phương pháp thích hợp nhằm xác định số lượng tồn kho của từng nguyên vật liệu. Sau khi kết thúc quá trình kiểm kê, trưởng ban kiểm kê lập Biên bản kiểm kê theo mẫu quy định xác định chênh lệch thừa hoặc thiếu so với sổ sách và tìm nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch đó.

Nếu kiểm kê thấy số lượng thực tế chênh lệch với số lượng trên sổ sách thì kế toán phải kiểm tra lại sổ sách xem có nhầm lẫn trong quá trình ghi chép không. Nếu chênh lệch là do ghi nhầm thì kế toán điều chỉnh lại cho phù hợp với số hiện có của nguyên vật liệu theo phương pháp chữa sổ theo quy định. Nếu chênh lệch là do những nguyên nhân khác thì phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý theo quy định. Kế toán căn cứ vào Biên bản kiểm kê để hạch toán kết quả kiểm kê.

Ví dụ: Trường hợp phát hiện thừa khi kiểm kê

Cuối tháng 7/2012, Công ty tiến hành kiểm kê kho phát hiện ra thừa 10kg Nhựa GPPS, đơn giá 38.000đ/kg (do không biết thừa ở lô hàng nào vì vậy Công ty lấy đơn giá của lô hàng nhập cuối cùng trong tháng), chưa tìm ra nguyên nhân. Kế toán ghi:

Nợ TK 1521	380.000
Có TK 3381	380.000

Ví dụ: Trường hợp phát hiện thiếu khi kiểm kê

Cuối tháng 7/2012, Công ty tiến hành kiểm kê kho phát hiện ra thiếu 5kg Bông CT1-6g/m đơn giá 111.974 đồng/kg (do không biết thiếu ở lô hàng nào vì vậy Công ty lấy đơn giá của lô hàng nhập cuối cùng trong tháng). Kế toán ghi:

Nợ TK 1381 559.870

Có TK 1521 559.870

Sau khi tìm hiểu phát hiện nguyên nhân thiếu hụt là do điều kiện tự nhiên. Ban kiểm kê đã lập biên bản xử lý sự thiếu hụt:

Nợ TK 632 559.870

Có TK 1381 559.870

2.2.5.2. Công tác lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại Công ty

Do đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty sản xuất theo đơn đặt hàng nên khi có đơn đặt hàng thì tiến hành mua nguyên vật liệu. Ngoài ra, do đặc điểm nguyên vật liệu rất khó bảo quản nên Công ty chỉ dự trữ một lượng nguyên vật liệu vừa đủ để đáp ứng nhu cầu sản xuất. Chính vì vậy, hiện nay Công ty không tiến hành lập dự phòng giảm giá cho các nguyên vật liệu tồn kho.

Bảng 2.17: Biên bản kiểm kê

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

Địa chỉ: Số 12 - Cụm 1 - Khu Trung - Xuân Đình - Từ Liêm - Hà Nội

Mẫu số 08 - VT

QĐ số 15-TC/QĐ/CDKT

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ
VẬT TƯ HÀNG HÓA SẢN PHẨM**

Thời điểm kiểm kê: ngày 31 tháng 7 năm 2012

Ban kiểm kê gồm: Ông, bà: **Đỗ Văn Phong** Trưởng ban
 Ông, bà: **Nguyễn Thanh Huyền** Ủy viên
 Ông, bà: **Trần Ngọc Nam** Ủy viên

Đã kiểm kê kho có những mặt dưới đây:

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ sách		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Chất lượng			
					SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất	
									SL	TT	SL	TT				
1	Nhựa GPPS		Kg	38.000	986	37.468.000	996	37.848.000	10	380.000						
2	Nhựa PP		Kg	35.052,63	3.800	133.200.000	3.800	133.200.000	0	0	0	0				
3	BôngCT1-6g/m		Kg	111.974	1.150	128.770.100	1.145	128.210.230			5	559.870				
	...															
	Tổng cộng					952.807.600		952.627.730		380.000		559.870				

Ngày 31 tháng 7 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Thủ kho

Trưởng ban kiểm kê

Bảng 2.18: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 7 năm 2012

Trang

(Đơn vị tính: đồng)

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ Cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang			xxx	xxx
						
3/7	PX 162	5/7	Xuất NVL phụ phục vụ	x	627	3.600.000	
			phân xưởng	x	152		3.600.000
						
10/7	PX 166	10/7	Xuất NVL phụ phục vụ	x	641	900.000	
			bán hàng	x	152		900.000
10/7	PX 167	10/7	Xuất NVL phụ phục vụ	x	642	300.000	
			quản lý doanh nghiệp	x	152		300.000
11/7	PN 158	11/7	Mua NVL chính	x	152	248.000.000	
			Theo HĐ 0001378	x	133	24.800.000	
				x	111		272.800.000
17/7	PX 170	17/7	Xuất nhựa PP phục vụ	x	621	72.521.763	
			sản xuất	x	152		72.521.763
			...				
20/7	PT 109	20/7	Bán phế liệu	x	111	1.408.000	
				x	511		1.280.000
				x	3331		128.000
			...				
31/7	BBKK	31/7	Kiểm kê phát hiện thừa	x	152	380.000	
			10kg nhựa GPPS	x	3381		380.000
31/7	BBKK	31/7	Kiểm kê phát hiện thiếu	x	1381	559.870	
			5kg Bông CT1-6g/m	x	152		559.870
31/7	BBKK	31/7	Xử lý thiếu hụt	x	632	559.870	
				x	1381		559.870

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Bảng 2.19: Sổ Cái tài khoản 152

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152

Trích tháng 7 năm 2012

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Trang:

(Đơn vị tính: đồng)

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			947.130.152	
	PX 161	2/7	Xuất nhựa PP phục vụ SX		621		31.048.506
			...				
	PX 162	3/7	Xuất NVL phục vụ PX		627		3.600.000
			...				
	PX 166	10/7	Xuất NVL phục vụ		641		900.000
			bán hàng				
	PX 167	10/7	Xuất NVL phục vụ		642		300.000
			quản lý doanh nghiệp				
	PN 518	11/7	Mua NVL chính		111	248.000.000	
			...				
	PX 170	17/7	Xuất NVL phục vụ SX		621		72.521.763
			...				
	PN 186	20/7	Mua NVL chính		331	35.200.000	
			...				
	BBKK	31/7	Kiểm kê phát hiện thừa		3381	380.000	
	BBKK	31/7	Kiểm kê phát hiện thiếu		1381		559.871,4
			Cộng phát sinh			930.280.156	1.234.439.810
			Số dư cuối kỳ			642.970.498	

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán)

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HOÀNG ANH

Kết thúc chương 1 và chương 2 chúng ta đã có cơ sở để so sánh giữa lý luận và thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh. Qua đó chúng ta thấy được những mặt tích cực và cả những mặt tồn tại trong việc kế toán nguyên vật liệu của Công ty. Nội dung của chương 3 là những nhận xét chung về tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá chung về tình hình thực hiện công tác kế toán nguyên vật liệu và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh.

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

Qua quá trình hoạt động và phát triển, Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh đã vượt qua bao khó khăn để đạt được những thành quả đáng khích lệ. Công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường, thị phần của Công ty ngày càng tăng, nâng cao khả năng cạnh tranh. Đạt được những thành tựu trên là công sức phấn đấu không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty trong suốt quá trình hình thành và phát triển.

Để tồn tại và phát triển như ngày nay Công ty luôn phải quan tâm đẩy mạnh sản xuất, chú trọng đến chất lượng sản phẩm để nâng cao uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó, công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện. Bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động của công ty. Sự ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán đã làm giảm bớt khối lượng ghi chép đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Nhận thức được vai trò quan trọng của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, Công ty luôn cố gắng nghiên cứu tìm ra những biện pháp phù hợp và có tính thực tiễn cao. Tuy nhiên trong quá trình hoàn thiện các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh nói riêng không thể tránh khỏi những hạn chế.

Qua thời gian thực tập tại Công ty SX và XNK Hoàng Anh, được tiếp cận thực tế với công tác quản lý, công tác kế toán và được sự quan tâm giúp đỡ tận tình của Ban lãnh đạo và các cô chú trong phòng Tài chính – Kế toán đã giúp em có điều kiện tốt để làm quen và nghiên cứu thực tế. Dưới góc độ của một sinh viên thực tập trên cơ sở những kiến thức đã tiếp thu và vận dụng vào thực tế tại Công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét về công tác quản lý, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty nói riêng như sau:

3.1.1. Ưu điểm

Về bộ máy tổ chức quản lý

Từ một nhà phân phối sản phẩm hàng tiêu dùng thành lập thành Công ty TNHH Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh, Công ty đã không ngừng nỗ lực phát triển về quy mô sản xuất và trình độ quản lý. Trên đà phát triển và hội nhập kinh tế của đất nước, đặc biệt là khi nước ta ra nhập WTO để hòa nhập bước đi của mình cùng với nhịp độ phát triển đó, Công ty đã không ngừng cải tổ và hoàn thiện bộ máy quản lý đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, đổi mới và bổ sung dây chuyền công nghệ. Điều đó đã giúp cho Công ty hoàn thành tốt những mục tiêu đề ra, góp phần đẩy mạnh nền kinh tế của đất nước và nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

Về tổ chức công tác kế toán

Tại Công ty TNHH Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh, bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Bên cạnh đó, nhân viên phòng Tài chính – Kế toán được phân công công việc một cách khoa học, cụ thể, không bị chồng chéo công việc với nhau, đảm bảo tính độc lập cũng như khả năng phối kết hợp giữa các kế toán viên. Ngoài ra, áp dụng phần mềm kế toán FAST thì việc lưu giữ thông tin được chặt chẽ, chính xác hơn và nhanh chóng cung cấp thông tin cho công tác kế toán. Nhờ đó, phòng Tài chính – Kế toán luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, cung cấp thông tin chính xác kịp thời giúp Ban lãnh đạo Công ty đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Nhìn chung, hệ thống chứng từ, sổ sách sử dụng tại Công ty phù hợp với mẫu theo quy định của Bộ Tài chính ban hành. Công ty sử dụng đầy đủ các chứng từ, sổ sách liên quan và thực hiện tốt các thủ tục nhập, xuất kho vì vậy đã quản lý tương đối tốt tình hình nguyên vật liệu. Hệ thống sổ được ghi chép rõ ràng đầy đủ. Quá trình luân chuyển chứng từ tại Công ty được kiểm soát khá chặt chẽ, giúp cho Giám đốc và Kế toán trưởng theo dõi sát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Kế toán vật tư tại Công ty TNHH Sản Xuất và Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh đã nghiên cứu và sử dụng các tài khoản chi tiết dựa trên từng loại nguyên liệu, vật liệu để tính giá trị nhập kho, xuất kho, kết hợp với các tài khoản tổng hợp do Bộ Tài chính ban hành. Điều này, giúp cho công tác kế toán vật tư trở nên đơn giản hơn.

Hình thức kế toán mà Công ty áp dụng là hình thức Nhật lý chung, hình thức này phù hợp với quy mô và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, hình thức này rất phù hợp, thuận tiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.

Về công tác kế toán nguyên vật liệu

Qua thời gian thực tập tại Công ty, trên cơ sở lý luận được tiếp thu ở nhà trường kết hợp với tình hình thực tế ở Công ty, em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty có một số ưu điểm sau:

Nguyên vật liệu được phân loại hợp lý, dựa trên nội dung kinh tế, vai trò và tác dụng của từng loại nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất kinh doanh Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh đã chia nguyên vật liệu thành từng nhóm, từng loại. Việc phân loại như vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và kế toán nguyên vật liệu. Trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu nhận thấy giá trị nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh do đó Công ty đã tổ chức quản lý khá tốt khâu thu mua, sử dụng vật liệu để đảm bảo chất lượng sản phẩm. Mặc dù khối lượng nguyên vật liệu lớn lại đa dạng về chủng loại, quy cách nhưng Công ty luôn đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho sản xuất, không làm gián đoạn quá trình sản xuất vì thiếu vật tư. Phòng Tài chính – Kế toán mà trực tiếp là kế toán vật tư luôn theo dõi sát sao công tác thu mua nguyên vật liệu, phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cung cấp thông tin chính xác cho nhà quản lý.

Hiện nay, Công ty đang sử dụng phương pháp Nhập trước – Xuất trước để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Đối với Công ty có nhiều loại nguyên vật liệu nhưng giá cả không có sự biến động lớn thì phương pháp này cho phép kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời. Công ty theo dõi việc nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song là rất hợp lý với tình hình nguyên vật liệu tại Công ty: nhiều chủng loại nguyên vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất không quá lớn. Áp dụng phương pháp này giúp Công ty dễ dàng kiểm tra, đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót. Ngoài ra, thuận tiện cho việc theo dõi tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty được sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên vì vậy tình hình nhập xuất nguyên vật liệu được phản ánh kịp thời và thường xuyên. Như vậy, tại bất cứ thời điểm nào trong kỳ kế toán, nhà quản lý cũng có thể có những thông tin chi tiết và chính xác về nguyên vật liệu.

Về công tác dự trữ và bảo quản nguyên vật liệu, Công ty đã có kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý phục vụ sản xuất. Công ty rất quan tâm đến việc lập định mức tiêu dùng nguyên vật liệu. Hệ thống định mức sử dụng nguyên vật liệu được sử dụng và điều chỉnh theo sự biến động của vật liệu xuất dùng thực tế nên đảm bảo tính phù hợp, tính xác thực và tính khoa học làm tăng hiệu quả của công tác quản lý nguyên vật liệu. Công ty đã có hệ thống kho tàng tương đối rộng rãi, nguyên vật liệu được sắp xếp gọn gàng phù hợp với đặc tính lý hóa của từng nguyên vật liệu, thuận tiện cho việc quản lý nguyên vật liệu, đáp ứng đủ nhu cầu vật liệu cho sản xuất.

3.1.2. Những tồn tại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được đáng khích lệ của Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh, thì trong công tác kế toán nguyên vật liệu của Công ty vẫn còn một số hạn chế nhất định cần được hoàn thiện.

Thứ nhất là: Hiện nay, Công ty chỉ mở 2 tài khoản cấp 2 của TK 152 để theo dõi, phản ánh tình hình của toàn bộ nguyên vật liệu sử dụng ở Công ty. Đó là TK 1521 – Nguyên vật liệu chính và TK 1522 – Nguyên vật liệu phụ. Cho nên nhiên liệu, phụ tùng thay thế và các vật liệu khác đều được theo dõi trên tài khoản 1522. Việc theo dõi chung trên một tài khoản như vậy sẽ gây khó khăn và phức tạp cho công tác kế toán cũng như công tác quản lý của Công ty.

Thứ hai là: Công ty sản xuất ra các sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng, do đó cần có nhiều nguyên vật liệu khác nhau. Mỗi loại nguyên vật liệu có những quy cách, phẩm chất khác nhau nhưng Công ty không lập sổ danh điểm nguyên vật liệu vì vậy việc ghi chép, theo dõi và quản lý còn hạn chế.

Thứ ba là: Về ứng dụng công nghệ thông tin tại Công ty, hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán FAST, phần mềm được đưa vào sử dụng nhưng quy trình quản lý và sử dụng chưa được phổ biến cụ thể cho nhân viên kế toán.

Thứ tư là: Về phế liệu thu hồi của Công ty chưa được phản ánh đầy đủ. Tại Công ty, phế liệu thu hồi được nhập kho nhưng kế toán không ghi sổ, không làm thủ tục nhập kho điều này dẫn đến tình trạng mất mát, hao hụt phế liệu làm thất thoát nguồn thu của Công ty. Khi số phế liệu này được bán, kế toán mới ghi nhận khoản tiền thu được vào doanh thu bán hàng. Làm như vậy là không đúng với nguyên tắc và chế độ kế toán mà Nhà nước ban hành, đồng thời làm tăng chi phí sản xuất do toàn bộ vật liệu xuất kho cho sản xuất sản phẩm được tính vào chi phí nguyên vật liệu. Hơn nữa việc ghi khoản tiền thu được từ bán phế liệu vào TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là sai quy định của Bộ Tài chính.

Thứ năm là: Về sổ sách kế toán, Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu theo quy định của Bộ Tài chính là theo dõi cả chỉ tiêu số lượng và giá trị, để cuối tháng đối chiếu với số liệu trên sổ Cái TK 152. Tuy nhiên Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu của Công ty chỉ theo dõi về mặt số lượng điều này sai với quy định của Bộ Tài chính.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

Qua thời gian thực tập, dựa trên cơ sở lý luận đã được học kết hợp với việc tìm hiểu thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh, Công ty cần có một số biện pháp để phát huy mặt tích cực đồng thời hạn chế các nhược điểm còn tồn tại nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu của Công ty.

Ý kiến thứ nhất: Về tài khoản 152 – nguyên vật liệu

Tại Công ty, tài khoản 152 được mở thành hai tài khoản cấp 2 là:

TK 1521 – Nguyên vật liệu chính

TK 1522 – Vật liệu phụ

Tài khoản 1521 dùng để theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn của nguyên vật liệu chính là nhựa và bông. Còn tài khoản 1522 dùng để theo dõi nguyên vật liệu phụ như: túi, băng dính, keo đầu bông,... ngoài ra nhiên liệu, phụ tùng thay thế và các vật liệu khác đều được theo dõi trên tài khoản 1522. Việc theo dõi chung trên cùng một tài khoản sẽ gây khó khăn cho công tác kế toán cũng như công tác quản lý của Công ty.

Theo em, Công ty nên mở thêm một tài khoản cấp 2 của tài khoản 152 là thành tài khoản 1523 – Nguyên vật liệu khác để theo dõi riêng cho nhiên liệu, phụ tùng thay thế, phế liệu và các vật liệu khác. Khi đó tài khoản 1522 chỉ theo dõi riêng về vật liệu phụ do đó công tác kế toán nguyên vật liệu và việc quản lý nguyên vật liệu dễ dàng và chính xác hơn.

Ý kiến thứ hai: Về xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu

Hiện nay, nguyên vật liệu tại Công ty rất phong phú và đa dạng về chủng loại quy cách. Vì vậy, để quản lý nguyên vật liệu tốt hơn cũng như tránh những sai sót và nhầm lẫn trong việc kế toán nguyên vật liệu Công ty nên lập hệ thống danh điểm nguyên vật liệu. Sổ danh điểm theo dõi cho từng nhóm, loại nguyên vật liệu một cách chặt chẽ giúp tiết kiệm thời gian trong việc quản lý và hạch toán. Trong sổ danh điểm nguyên vật liệu, mỗi loại, mỗi nhóm được quy định một mã riêng, sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tra cứu.

Mỗi mã nguyên vật liệu bao gồm 8 số:

- 4 số đầu ứng với mỗi loại nguyên vật liệu
- 2 số tiếp theo ứng với mỗi nhóm nguyên vật liệu
- 2 số cuối ứng với quy cách vật liệu trong nhóm.

Sổ danh điểm của loại nguyên vật liệu chính có thể được lập theo mẫu sau:

Bảng 3.1: Sổ danh điểm nguyên vật liệu

SỔ DANH ĐIỂM NGUYÊN VẬT LIỆU

Loại: Nguyên vật liệu chính

Ký hiệu 1521

Ký hiệu		Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	ĐVT	Đơn giá	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm NVL				
1521.01		Bông CT			
	1521.01.01	Bông CT1-6g/m	Kg	111.974	
	1521.01.02	Bông CT 1,4g/m	Kg	120.000	
1521.02		Nhựa PP			
	1521.02.01	Nhựa PP	Kg	35.000	
				

Ý kiến thứ ba: Về ứng dụng công nghệ thông tin tại Công ty

Hiện nay, Công ty đang áp dụng phần mềm vào công tác kế toán vì mới đưa vào sử dụng nên vẫn gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, Công ty cần mở lớp đào tạo ngắn ngày cho nhân viên sử dụng phần mềm kế toán. Đồng thời Công ty cũng cần được trang bị thêm máy vi tính và các thiết bị văn phòng vì hiện nay một số máy tính và thiết bị tại phòng Tài chính – Kế toán đã không sử dụng được. Điều này giúp nhân viên thành thạo trong công việc, tiết kiệm được thời gian và công sức.

Ý kiến thứ tư: Về việc hạch toán phế liệu thu hồi từ hoạt động SXKD

Do Công ty sản xuất theo đơn đặt hàng, kích thước, quy cách sản phẩm khác nhau vì vậy nhựa làm que tăm được cắt khác nhau nên có nhiều đoạn nhựa thừa không thể sử dụng được, ngoài ra còn các phế liệu thu hồi khác là: vỏ thùng, hộp nhựa,... Những phế liệu thu hồi từ sản xuất được nhập kho chờ thanh lý nhưng thủ kho và kế toán không tiến hành lập phiếu nhập kho cũng như không ghi sổ. Khi phế liệu được bán, kế toán ghi nhận số tiền thu được:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Việc ghi nhận số tiền thu được là không đúng.

Đầu tiên, Công ty cần theo dõi tình hình phế liệu thu hồi trên tài khoản chi tiết 1523 – Nguyên vật liệu khác để có thể nắm rõ được tình hình của phế liệu.

Khi nhập kho phế liệu, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 1523 – Phế liệu thu hồi

Có TK 621 – Chi phí NVL trực tiếp (nếu chi phí chưa được kết chuyển)

Có TK 154 – Chi phí SXKD dở dang (nếu chi phí đã được kết chuyển)

Khi xuất kho bán phế liệu kế toán định khoản:

Nợ TK 811 – Giá vốn

Có TK 1523 – Phế liệu thu hồi

Đối với các khoản thu từ bán phế liệu kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 111 – Giá trị phế liệu thu hồi

Có TK 711 – Doanh thu khác

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Ý kiến thứ năm: Về Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu

Hiện nay, Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu của Công ty chỉ theo dõi về mặt số lượng của nguyên vật liệu điều này khiến cho kế toán cuối kỳ không thể đối chiếu giữa sổ Cái TK 152 và Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu. Mà theo quy định của Bộ Tài chính Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu theo dõi cả chỉ tiêu về số lượng và giá trị. Vì vậy, Công ty cần bổ sung theo dõi chỉ tiêu giá trị trên Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu.

Bảng 3.2: Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu

Đơn vị: Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Kho: DAVT – Kho vật tư Đông Anh

Tháng 7 năm 2012

STT	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ		Ghi chú
			Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	
	...										
38	Nhựa GPPS	Kg	1.352,2	51.383.600	5.158,84	196.035.920	5.515,04	209.571.520	996	37.848.000	
39	Nhựa PL2	Kg	75,4	2.714.400	585,07	21.647.590	104,15	3.801.475	556,32	20.560.515	
40	Nhựa PP	Kg	4.425	152.655.154,5	7.000	245.200.000	7.625	264.655.154,5	3.800	133.200.000	
41	Bông CT1-6g/m	Kg	2.439,2	273.126.980,8	1.506,85	168.721.994	2.796,05	313.084.595	1.150	128.764.379,8	
42	Bông CT 1,4g/m	Kg	1.491	178.920.000	2.469	293.811.000	2.350	281.141.000	1.610	191.590.000	
43	Băng dính to	Cuộn	68	4.080.000	280	16.800.000	273	16.380.000	75	4.500.000	
	...										

Ngày tháng năm

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Quản lý tốt chi phí sản xuất nói chung, chi phí nguyên vật liệu nói riêng mang một ý nghĩa hết sức quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải sử dụng hiệu quả các công cụ quản lý kinh tế, trong đó có kế toán. Nhận thức và hiểu rõ được tầm quan trọng của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh, Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh đã và đang tiếp tục đề ra các giải pháp để kiện toàn công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng, công tác kế toán của công ty nói chung. Để làm được điều đó thì cần phải có sự cố gắng, nỗ lực từ chính bản thân Công ty, bên cạnh đó phải có sự tư vấn, đóng góp ý kiến từ bên ngoài.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh, em đã có điều kiện củng cố kiến thức học tập tại trường và đi sâu tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty biết được thực tế đa dạng và phức tạp hơn nhiều.

Trên đây là toàn bộ bài khóa luận của em về đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh”. Để có được kết quả này là nhờ sự chỉ bảo, giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn Ths. Vũ Thị Kim Lan cùng sự giúp đỡ của các bác, các chị tại phòng Tài chính – Kế toán của Công ty. Em đã có điều kiện tìm hiểu kỹ hơn về những vấn đề lý luận và thực tiễn tại Công ty, em cũng đã nhận ra được những điểm mạnh cần phát huy và những điểm yếu cần khắc phục trong công tác kế toán của Công ty. Từ đó, em đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty. Song do khả năng của bản thân còn hạn chế và thời gian thực tập tại Công ty có hạn nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô và các bác, các chị phòng Tài chính – Kế toán của Công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Qua đây em xin chân thành cảm ơn cô giáo Thạc sĩ Vũ Thị Kim Lan, người đã chỉ bảo và giúp đỡ em trong quá trình thực hiện bài khóa luận này và em cũng xin cảm ơn các thầy cô giáo trong Bộ môn kinh tế trường Đại học Thăng Long cùng các bác, các chị phòng Tài chính – Kế toán của Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Hoàng Anh đã tạo điều kiện hướng dẫn và giúp đỡ em trong quá trình thực tập vừa qua.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2013

Sinh viên

Đỗ Thu Hà

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS.NGND Ngô Thế Chi, (2010) Giáo trình “Kế toán tài chính” – Nhà xuất bản Tài chính.
2. PGS.TS Nguyễn Thị Đông, (2009) Giáo trình “Hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp” – Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009.
4. Tài liệu của Công ty TNHH SX và XNK Hoàng Anh.
5. Một số khóa luận của các anh chị khóa trước.

